Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN

Tủ sách TRIẾT HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

Tinh hoa Đạo học Đông phương



Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU

Nói về Đạo học Trung Hoa là nói đến cái học của Tam Huyền: Dịch, Lão và Trang. Sự liên lạc giữa ba cái học ấy thật là chặt chẽ, mà Dịch là đầu não: "*Dịch quán quần kinh chỉ thủ*" (易貫羣經之首).

Lão học và Dịch học như một biểu một lý, cho nên ngày xưa Vương Bật đã dùng Dịch giải Lão, dùng Lão giải Dịch một cách hết sức đắc lực. Nói đến Dịch và Lão không thể nào không nói đến công dụng của nó trong cái đạo dưỡng sinh mà Y đạo là căn bản. Bởi vậy ngày xưa người ta gọi Lão học là cái học của Hoàng Lão. Hoàng là Hoàng đế Nội kinh, sách căn bản của Y đạo Trung Hoa. Bởi vậy mới có câu: "*Y đạo thông Tiên đạo*", người xưa không một ai học Dịch, học Lão mà không học Y. Ngày nay có khác, người ta đã giao phần Y học cho một hạng người gọi là y sĩ chuyên chữa bệnh làm nghề. Ngày xưa Y đạo không phải là một nghề, mà thực sự nó là cái đạo dưỡng sinh, phòng bệnh hơn là trị bệnh. Lời xưa có nói: "*Vi nhơn tử giả, bất khả dĩ bất tri Y*". Là người, không thể không biết đạo Y. Dịch là "thể" mà Lão và Y là "dụng". Cho nên, bàn đến Đạo học mà bỏ qua đạo dưỡng sinh là thiếu sót.

Lại nữa, nói đến Đạo học Đông phương không thể không nói đến Thiền học Trung Hoa, vì nó là tinh hoa của Phật giáo Đại thừa và Trang Lão.

Nói đến xưa, cũng không thể không bàn đến nay. Nói đến Trang Tử ngày xưa cũng không thể bỏ sót Trang Tử ngày nay. Tôi muốn nói đến J. Krishnamurti. Với Krishnamurti, một cái học nhất nguyên của Đông phương đã bắt đầu phục sinh trong lòng Âu Mỹ, sau một thời bác loạn chưa từng thấy có trong lịch sử loài người. Chữ "*bác*" (剝) đây, chúng tôi nói đến quẻ Bác trong kinh Dịch: ngũ âm đang hiếp bức một hào dương cô độc đã sắp tàn lụi và lui vào bóng tối, tượng trưng một giai cấp thức giả già nua với những tâm trí chứa đầy thành kiến. Nhưng sau quẻ Bác là quẻ Phục: hào Dương ở quẻ Bác đã phục sinh ở hào sơ quẻ Phục[1]: *người "cũ" có chết, mới phục sinh người "mới"*. Nhơn loại sắp đi vào một cuộc phục sinh chưa từng thấy có từ xưa đến nay, mà có lẽ Tây phương sau nầy sẽ cầm đầu phong trào phục hưng nầy. Phàm Âm cực Dương sinh, văn minh vật chất thế giới ngày nay âm khí đã đến thời kỳ cực độ, điểm Dương trong lòng Âm tăm tối ấy đang lần lần phát huy lực lượng tiên thiên một cách ngấm ngầm và mãnh liệt. Bằng chứng, Thiền học đang bắt đầu phát sinh mạnh ở các nước Âu Mỹ: một số khá đông đại trí giả và thanh niên cấp tiến đã tỏ ra yêu chuộng Thiền học một cách say đắm thành thực. Có lẽ nhờ họ đã no nê chán mứa với nếp sống nhầy nhụa hưởng thụ vật chất trong một thứ văn minh lý trí đến tột độ, và chính đó là nguyên do thuận lợi giúp họ nhận thấy rõ ràng hơn giá trị tinh thần của Đạo học Đông phương. H.M. Lassalle quả quyết rằng: "Thiền là món quà quý nhất Đông phương tặng Tây phương". Sách vở về Lão Trang hay Thiền bên Âu Mỹ in ra bao nhiêu, bán hết bấy nhiêu. Quyển The Importance of living của Lâm Ngữ Đường là sách bán chạy nhất luôn trong 11 tháng và đã được dịch ra 14 thứ tiếng. Đó là quyển sách nói về nếp sống của nhóm người theo khuynh hướng tự nhiên của Trang Lão. Đông phương, trái lại, có lẽ vì quá bận rộn về những cuộc cách mạng liên miên về chánh trị, về những nhu cầu phát triển kỹ thuật để đáp ứng với đà tiến bộ vật chất của Âu Mỹ, nhất là họ chưa nếm đủ mùi vị đê mê ma túy của thứ văn minh thụ hưởng của Tây phương nên họ chưa nhận thấy rõ tánh cách phi nhân của nền văn minh hào nháng rực rỡ bên ngoài mà khô khan cằn cỗi bên trong nầy, cuộc phục sinh khó bề thực hiện được một cách mạnh mẽ như bên Âu Mỹ ngày nay. Luật QUÂN BÌNH của tạo hóa bao giờ cũng chi phối tất cả mọi cuộc thăng trầm trong sự vật.

Tuy nhiên, sự hướng về Đông phương của Tây phương ngày nay không có nghĩa là khuyên người Mỹ thành người Ấn, người Tây Âu thành người Trung Hoa, mà trái lại: đôi bên phải cố giữ cái nếp sống độc đáo của mình. Thích ứng không có nghĩa là "đồng" mà có nghĩa là "hòa". Nói như kinh DỊCH, tuy sự vật *tương sinh, tương hóa* mà cũng *tự sinh, tự hóa*[2]. Và bởi thế mới có Thiền Ấn độ, Thiền Trung hoa, Thiền Nhật bản, Thiền Việt nam, Thiền Công giáo (ZEN chrétien) sau nầy… Giả sử có một tín đồ Công giáo đến thụ giáo một Thiền sư Đông phương, Thiền sư sẽ không bao giờ khuyến dụ anh bỏ đạo của anh, mà chỉ hỏi quan niệm của anh về

Jésus như thế nào, và phận sự của Thiền sư chỉ giúp anh quan niệm một cách chính xác hơn về Jésus mà thôi. Jésus, Thích ca, Lão Tử chỉ là Một. Vấn đề chánh là Giác ngộ, mà Thiền là Giác ngộ.

Như trước đây đã nói: Hào Dương còn lại ở quẻ Bác, là thứ Dương đã quá già, sắp mất (chết) để được phục sinh vào thời quẻ Phục. Cho nên, con người "mới" có được phục sinh hay không, con người "cũ" phải chết đi. Con người "cũ" nói đây, là con người nhị nguyên, con người kết tinh của quá khứ, con người của sách vở, của xã hội, của nhơn-vi tạo thành, con người của truyền thống lâu đời không biến cải, chính là "*con người cũ*" mà trong sách Evangile selon Saint Jean gọi là "*le vieil homme*": "Kẻ nào không sống lại, không thể thấy được Nước của Chúa" (En vérité, je te le dis: si un homme ne nait de nouveau, il ne peut voir le Royaume de Dieu).[3] "Nước của Chúa" đây, là ám chỉ ĐẠO.

Quyển sách nầy đề cập đến "*con người mới*" ấy, và bạn đọc, nếu thấy còn bỡ ngỡ khi mới vào ngưỡng cửa Đạo học Đông phương, nên đọc thêm những quyển *Nhập môn Triết học Đông phương*, *Trang Tử Tinh hoa*, *Lão Tử Tinh hoa*, *Phật học Tinh hoa*, vì đây là phần tinh hoa của những bộ sách tinh hoa kia.

I. HƯ VÔ

Nói đến HƯ VÔ là nói đến phần tinh hoa căn bản của Đạo học Đông phương, nhất là của cái học TAM HUYỀN của Trung Hoa. Không hiểu hoặc hiểu sai hai chữ HƯ VÔ thì phải vứt cả sách vở về Đạo học của Đông phương luôn cả Huyền học của Tây Phương.

Người Tây phương, cũng như người Đông phương nhị nguyên học, luận về HƯ VÔ đều cho là chuyện thanh đàm, chả ích gì đến nhân tâm thế đạo cả. Chủ trương "*thanh tĩnh vô vi*" của nhóm Lão Trang, "*niết bàn diệu tâm*" của nhà Phật,… phần đông sở dĩ bị xem như một chủ nghĩa *không tưởng, yếm thế, bi quan, tiêu cực*, không thích ứng gì cả cho đời sống quá thực tiễn và trơ trẽn của con người theo văn minh ngày nay, là vì họ đã hiểu một cách quá hình thức và sai lầm hai chữ HƯ VÔ. Đối với họ, HƯ VÔ là không có gì cả, cũng như VÔ VI là không làm gì cả. Học DỊCH, người ta chỉ biết DỊCH là BIẾN, mà không hiểu DỊCH cũng là BẤT BIẾN, và chính cái BẤT BIẾN chỉ huy cái BIẾN, cái TỊNH là chủ của cái ĐỘNG. Hay nói một cách khác, chính cái luật QUÂN BÌNH bất biến (hư cực tịnh đốc) ấy, chỉ huy tất cả mọi biến động trên cõi sắc tướng nầy. Thấy TỊNH mà cho là TỊNH, hoàn toàn TỊNH; cũng như thấy ĐỘNG mà cho là ĐỘNG, hoàn toàn ĐỘNG chỉ là thị kiến méo mó và vụn vặt phiến diện (vision déformée et fragmentaire) của nhị nguyên luận, chứ không phải là thị kiến viên mãn[4] của HƯ VÔ (ĐẠO), của Nhất nguyên lưỡng cực động.

Bàn về công dụng của HƯ VÔ, Lão Tử nói:

"*Ba chục căm, hợp một bầu,*
Nhờ chỗ KHÔNG mới có được cái Dùng của xe.
Nhồi đất sét để làm chén bát,
Nhờ chỗ KHÔNG mới có được cái Dùng của chén bát.
Khoét cửa nẻo, làm buồng the,
Nhờ chỗ KHÔNG mới có được cái Dùng của buồng the."

Văn hào Romain Rolland, nhân bàn đến câu nói trên đây của Lão Tử có viết: "*Khi đọc đến câu tư tưởng trên kia của Lão Tử, tôi nghĩ ngay đến những giả thuyết mới đây của thiên văn học cho rằng những trung tâm chuyển động của bao nhiêu vũ trụ, chính nằm ngay ở những lỗ hổng to lớn của thái không*". (… Je pense aux plus récentes hypothèses où vient de se hisser la science astronomique découvrant comme foyers de nombreux univers, des gouffres de Vide cosmique).

Thật vậy, những lỗ hổng trên không trung là những nơi thu hút rất mạnh không khí chung quanh, cũng như những vùng nước xoáy mạnh, dưới đáy bao giờ cũng có những vực thẳm. Bởi vậy Lão Tử mới nói cái gì trống không thì được lấp đầy (oa tắc doanh 窪則盈). Vì Tạo hóa rất sợ cái gì trống không.

Để bổ túc câu trên, Lão Tử nói: "*Cái khoảng không không trong trời đất giống như lòng ống bễ của thợ rèn: càng động, hơi càng ra mạnh.*" (*Thiên địa chi gian kỳ du thác thược hồ! Hư nhi bất khuất, động nhi dũ xuất* 天地之間其猶橐籥乎虛而不屈動而愈出). Giống như sự hô hấp của ta: hít vô cho đầy, rồi thở ra cho hết.

Cho nên thực hiện được cái TÂM HƯ là tạo được cho mình một trung tâm động lực thu hút phi thường, có thể chứa đựng tất cả thiên hạ vào trong, bất kể thiện ác, thị phi, vinh nhục… "*Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi; tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi*" 善者吾善之不善者吾亦善之信者吾信之不信者吾亦信之. *Với kẻ lành thì lấy lành mà ở, với kẻ chẳng lành thì cũng lấy lành mà ở. Với kẻ thành tín, thì lấy thành tín mà ở, với kẻ không thành tín, vẫn lấy thành tín mà ở*. Thậm chí đối với kẻ gọi là thù, cũng vẫn *báo oán dĩ đức* (報怨以德)[5]. Người ta cũng đã ví cái TÂM HƯ như cái lòng của biển cả. Trang Tử nói: "*Dưới Trời, nước không đâu nhiều hơn biển cả. Đó là nơi muôn sông đổ về không bao giờ thôi, mà không hề đầy; rồi nước biển lại chảy vào sông rạch không bao giờ ngưng, mà không hề vơi*" …[6]

Đạo học hay Huyền học Tây phương, trong quyển *La Voix du Silence* (tiếng nói của Hư Vô) có câu: "*Hãy để lòng mình to rộng như Biển cả thu hút cả sông rạch vào trong. Sự yên lặng trầm hùng của Biển cả luôn luôn bất biến. Nó cảm thấy không lưng vơi*." ("Sois comme l'Ocean qui recoit tous les ruisseaux et toutes les rivières. Le puissant calme de l'Ocean reste immuable, il ne les sent pas")

Tóm lại như Trang Tử đã nói: TÂM HƯ của con người đắc Đạo, cho mãi mà không bao giờ vơi, thu mãi mà không bao giờ tràn, như Lão Tử đã nói: "*Đạo thì trống không, rót mãi mà không bao giờ đầy*" (Đạo xung nhi dụng chi, hoặc bất doanh 道冲而用之或不盈). TÂM có HƯ, mới giàu vô lượng, cho mãi mà không bao giờ cạn.

"*Thánh nhơn bất tích;* 聖人不積

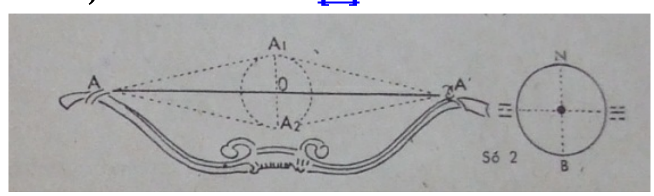
Ký dĩ vi nhơn kỷ dũ hữu; 既以爲人己愈有

Ký dĩ dữ nhơn kỷ dũ đa." 既以與人己愈多

(Bậc Thánh nhơn không thu giữ; càng vì người, mình càng thêm có; càng cho người, mình càng thêm nhiều).

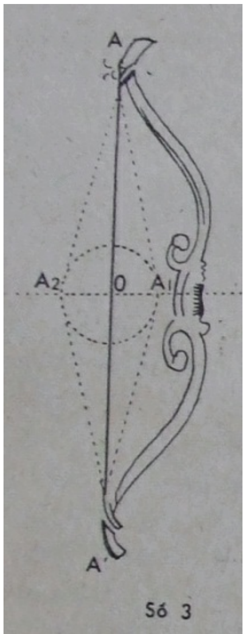
Ở quẻ Hàm 咸 kinh Dịch, lời Tượng có câu: "*Sơn thượng hữu trạch; Hàm, quân tử dĩ HƯ thụ nhơn* 山上有澤咸君子以虛受人. Quẻ Trạch sơn Hàm, tức là hình tượng trên núi lại có chầm nước. Trên núi mà có chầm nước là nhờ có cái "*lòng trống không*" (Hư Vô) mới chứa được nước. Người quân tử xem tượng ấy mà ngộ rằng: Lòng có HƯ KHÔNG, nghĩa là không chấp chứa thành kiến nhị nguyên chia phân thị phi, thiện ác, vinh nhục… thì mới có thể dung nạp được thiên hạ.

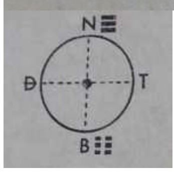
Để cụ thể hóa ĐẠO, tức là luật QUÂN BÌNH, Lão Tử đã dùng rất khéo hình ảnh cây cung mà giương lên: *Đạo Trời ư! Có khác nào cây cung mà giương lên; cao thì ép xuống, thấp thì nâng lên, có dư thì bớt đi, không đủ thì bù vào. Đạo Trời là bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu*.[7]



Nhìn đồ số 2 trên đây, ta thấy sợi dây cung đang căng thẳng theo đường ngang (vĩ) AOA' (tượng trưng mức quân bình của Đạo, bất thiên bất biến).

Nếu ta kéo sợi dây cung từ điểm O đến A1, sẽ có một động lực ngấm ngầm kéo xuống bắt nó trở về vị trí cũ của nó là O (theo lằn ngang AOA' cũ). Cho nên mới nói: "*cao giả ức chi*" (càng kéo lên cao càng bị ép mạnh xuống). Nếu trái lại, nhấn mạnh xuống từ điểm O đến điểm A2, thì cũng có một động lực tự nhiên ngấm ngầm đẩy mạnh nó lên trên để đưa nó về vị trí cũ của nó là điểm O (theo lằn ngang AOA' cũ). Cho nên mới nói: "*hạ giả cử chi*" (càng bị hạ thấp, thì càng được đẩy mạnh lên trên) để tự nhiên đưa nó về vị trí cũ của nó là điểm O (theo lằn ngang AOA' cũ).

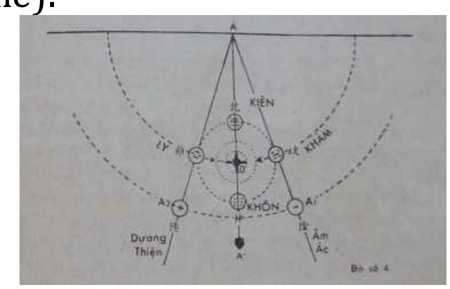




Nhìn đồ số 3, thấy sợi dây cung dựng đứng theo đường dọc (kinh) AOA’.

Nếu ta kéo sợi dây cung từ điểm O qua bên mặt đến điểm A1, sẽ có một động lực ngấm ngầm kéo mạnh sợi dây cung trả về O (theo lằn dọc AOA’ cũ). Nếu ta kéo sợi dây qua phía trái từ O đến A2, cũng sẽ có một động lực ngấm ngầm bắt sợi dây cung phải trả mạnh về điểm O (lằn dọc AOA’ cũ). Cho nên Lão Tử mới nói: “*Trở về, đó là cái động của ĐẠO*” 反者道之動, và “*các phục quy kỳ căn*” (tất cả đều phải trở về gốc của nó). Trong các đồ hình trên đây, *gốc* là điểm O (cũng gọi là điểm HƯ VÔ).

Để thay vào đồ số 3 trên đây, thiết nghĩ đồ số 4 sau đây sẽ tượng trưng một cách rõ ràng hơn, thế nào là TỊNH là gốc của Động. Đó là hình một cái đòng đưa (pendule).



Đường thẳng AOA’ là tượng trưng cái thế TỊNH của ĐẠO.

Nếu ta kéo nó qua một bên mặt hay bên trái, và nếu ta buông nó (không cần đẩy mạnh hay đẩy yếu gì cả) nó sẽ tự nhiên *trở về* vị trí cũ của nó là điểm O (vị trí TỊNH cũ của nó). Nhưng có điều là nó không dừng lại nơi điểm căn bản của nó, mà vượt qua phía bên đối lập của nó. Vượt quá điểm trung O của nó, nó lại cũng bị luật quân bình AOA’ trả nó trở về vị trí cũ.

Sở dĩ cái đòng đưa chuyển từ mặt qua trái, từ trái qua mặt (động) là nhờ có cái trọng tâm AOA’ (cái TỊNH của ĐẠO) nắm giữ quân bình, không cho cái đòng đưa ở mãi một vị trí thái quá hay bất cập nào, bên phải hay bên trái.

Đường AOA’ nầy tượng trưng cho ĐẠO, cũng gọi là TRUNG ĐẠO, tuy thấy không chuyển động gì cả (TỊNH), không làm gì cả (VÔ VI), kỳ thực nó lại là động cơ chính của tất cả mọi động biến trên đời, nên mới nói: “ĐẠO vô vi nhi vô bất vi” 道無爲而無不爲, nghĩa là thấy thì dường như ĐẠO bất động (không làm gì cả) mà thực sự *không một việc gì không do nó mà ra* (nhi vô bất vi).

Cái đòng đưa trước giờ đang đứng im lìm bất động (tịnh). Nếu ta xê dịch nó qua một bên, tức

khắc biến thành một cái động. Xê dịch nhẹ, thì động nhẹ, và phản ứng nhẹ. Xê dịch mạnh, thì động mạnh, và phản ứng mạnh. Thiền thi có câu: “*Hào ly hữu sai thiên địa huyền cách*” (chỉ xê dịch trong một hào một ly thôi, cũng làm cho Đất Trời (Âm Dương) phân cách. Nghĩa là nếu lằn AOA’ (tượng trưng HƯ VÔ gồm cả âm dương thiện ác) chưa bị tách phân ra làm hai, thì Trời Đất Âm Dương là một: Đó gọi là TÂM HƯ (nhà Phật gọi là BẢN LAI DIỆN MỤC hay CHÂN NHƯ PHẬT TÁNH). Nếu ta vọng niệm mà nghĩ thiên về điều thiện mà ta ưa thích, điều ác mà ta ghét bỏ, là ta đã tạo nơi tâm hồn ta một mối chia rẽ giữa Âm Dương Trời Đất. Đó là TÂM THÁI CỰC bị động biến thành lưỡng nghi. Lục tổ HUỆ NĂNG bảo: “Bất tư thiện, bất tư ác, chính dữ ma thời, ná cá thị minh Bản lai Diện mục” 不思善不思惡正與麽時那箇是明本來面目 (*Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ Ác, chính trong lúc đó mới hiện ra được cái Bản lai Diện mục của mình*). Nhà Thiền gọi đó là “*pháp môn BẤT NHỊ*” (lằn AOA’ là lằn bất nhị), nhà Dịch gọi là Thái Cực, nhà Lão gọi là Đạo (hay Hư Vô). Người đắc Đạo, vì vậy được gọi là người đắc TRUNG. Và người đắc TRUNG là người không còn có sự lựa chọn, tức là không còn có sự ưa thiện ghét ác, ưa phải ghét quấy, ưa vinh ghét nhục, ưa sướng ghét khổ, ưa sáng ghét tối… Các mật pháp của đạo giải thoát là ở điểm nầy. Tôi sẽ trở lại vấn đề nầy một cách rộng rãi hơn sau nầy.

Tổ thứ ba của Thiền, TĂNG XÁN, trong Tín-Tâm-Minh, có ghi rất rõ ràng thế nào là đạo giải thoát, cứu cánh của đời người theo ĐẠO:

“*Chí Đạo vô nan* 至道無難 (Đạo cả có gì khó)

Duy hiềm giản trạch 唯嫌揀擇 (Chỉ đừng CHỌN LỰA)

Đản mạc tắng ái 但莫繒爱 (Quý hồ đừng ưa ghét)

Đỗng nhiên minh bạch 洞然明白 (Thì tự nhiên con Tâm sáng tỏ)[8]

Cái điểm O trong đồ trên đây là chỗ gặp gỡ của hai lằn kinh-vĩ (dọc ngang) trong đồ tiên-thiên. Có động thì vạn vật mới hiện ra. Cho nên mới nói Âm Dương là căn bản của vạn biến… Sự lắc qua lắc lại của cái quả lắc là tượng trưng mọi cuộc biến hóa trong Trời Đất (thiên biến vạn hóa): âm cực thì dương sinh, dương cực thì âm sinh. Nhưng hễ nói đến âm dương luôn luôn nên hiểu ngầm rằng trong Âm bao giờ cũng có cái gốc của Dương, trong Dương bao giờ cũng có cái gốc của Âm. Âm Dương là bất nhị. Cho nên mới có lời khuyên: “*Nhị kiến bất trụ*”. Nghĩa là, đừng bao giờ quên cái lẽ “*tương nhập*”, “*tương tức*” mà chỉ ghé mắt có một bên, bên mặt hay bên trái, để mà thiên hẳn một bên nào.

Mọi cuộc biến động trong Trời Đất đều do cái trục AOA’ nầy điều khiển nên Lão Tử mới gọi Nó là MẠNG (命). Mạng là cái gì mà ta không thể cưỡng lại được.

HƯ VÔ là nơi đã giải quyết được tất cả mọi tranh chấp mâu thuẫn trên đời. Maryse Choisy đã nói lên cái chân lý nhất nguyên nầy một cách thi vị như sau: “*Toàn thể vũ trụ chỉ là một bãi chiến trường, trong đó trỗi lên một bản tình ca bất tận*” (L’Univers tout entier n’est qu’un champ de bataille sur lequel monte un CHANT D’AMOUR ETERNEL). Nói “*đời là bãi chiến trường*” là ám chỉ sự mâu thuẫn của ÂM DƯƠNG xô xát nhau; nói “*bản tình ca bất tận*” là nói về sự hòa dịch, biểu tượng hai lẽ GHÉT và THƯƠNG luôn luôn đi đôi với nhau.

Lão Tử nói: “*Vạn vật phụ âm nhi bảo dương, xung khí dĩ vi HÒA*”. Vạn Vật trong Trời Đất không vật nào không cõng âm và bồng dương, nhờ cái khí của HƯ VÔ mà ÂM DƯƠNG hòa nhau. Bởi vậy HƯ VÔ cũng được gọi là THÁI HÒA 太和.

Như ta vừa biết, người có được cái TÂM HƯ không có sự *lựa chọn*, là vì đã là THÁI HÒA thì không thể còn có sự lựa chọn một cách triệt để bên nào, bên Thiện (dương) hay bên Ác (âm). Cũng như đã gọi là TÂM THÁI CỰC thì phải gồm cả lưỡng nghi âm dương thiện ác một cách điều hòa. Nhưng nếu thấy “*âm thịnh dương suy*” hay “*dương thịnh âm suy*”, thì TÂM THÁI HÒA phải có phận sự điều chỉnh để lập lại QUÂN BÌNH, nghĩa là phải làm cái việc làm của THIÊN ĐẠO: “*Thiên chi đạo: tổn hữu dư, bổ bất túc*”. Vô Vi của Lão Tử đâu phải không làm gì cả, mà thi

hành cái đạo của Trời (天道) một cách thản nhiên, *vô cầu*[9]. Không phải chỉ vô cầu, mà còn "*vô tâm*" nữa[10] như Đạo.

Nhưng, dù có "*làm*" cũng "*làm*" một cách hồn nhiên, không bôn chôn, không hối hả, từ từ như trăng lên, như hoa nở âm thầm lặng lẽ… chứ không có việc thi đua "tu gấp cho mau thành chánh quả" như có nhiều người hiểu lầm.

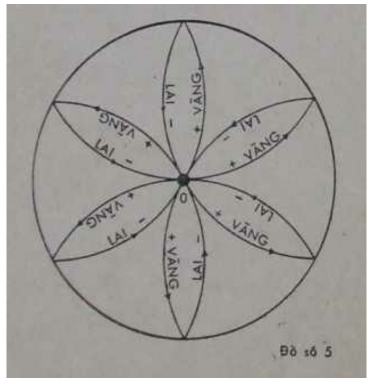
Hễ "dương" cực thì "âm" sinh, "âm" cực thì "dương" sinh, "bĩ" cực thì "thái" lai, "thái" cực thì "bĩ" lai, cuộc doanh hư tiêu trưởng là đạo THƯỜNG. Charles Baudoin, trong "*Mythe de l'Homme moderne*" nói: " *Sống hối hả, sống cướp thời gian, không gian, người chúng ta ngày nay không còn gì lý tưởng hơn nữa, chúng ta đều muốn nhảy vượt khỏi đầu của chúng ta. Bởi vậy, ta đâu có cần đến sự khôn ngoan ôn hòa của những bậc hiền thánh ngày xưa. Tốt lắm. Nhưng phải coi chừng, rồi đây chúng ta đâu có thoát khỏi luật quân bình, coi chừng cái đánh trở lại của các đòng đưa*" (l'homme moderne ne concoit d'autre ideal que la performance; il veut sauter pardessus sa propre tête. C'est pourquoi, it rejette la SAGESSE, qui est MODÉRATION. Bon. Mais il n'échappe pas aux lois de l'ÉQUILIBRE, au retour du pendule.)[11].

Tùy công dụng, HƯ VÔ mang nhiều tên khác nhau. Nhà Lão khi thì gọi là ĐẠO, là CỐC THẦN, là HUYỀN TẪN; nhà Đạo thì gọi là THIÊN CĂN NGUYỆT QUẬT, là THIÊN ĐỊA LINH CĂN, TIÊN THIÊN CHÂN NHẤT CHI KHÍ, là LINH HƯ BẤT MUỘI CHI THẦN v.v…; nhà Phật thì gọi là NIẾT BÀN DIỆU TÂM, là BẢN LAI DIỆN MỤC, là XÁ LỢI TỬ v.v… Thiên Chúa giáo gọi là TÌNH THƯƠNG (Amour) hay THƯỢNG ĐẾ.

Tóm lại, thực hiện được cái TÂM HƯ là cứu cánh mục đích của đời người học Đạo, cả Đông lẫn Tây. Thiên Chúa giáo lấy chữ 十 làm nơi an nghĩ vĩnh viễn của Chân Tâm. Phật giáo thì lấy chữ 卍 làm trung tâm của "Niết Bàn tịch tịnh". Riêng hình chữ 卍 hình dung rõ ràng hơn cái lý bất dịch (tịnh) nằm trong cái lý biến dịch (động).

Toàn bộ Đạo Đức Kinh chỉ lấy có hai chữ HƯ VÔ làm thể, Vô Vi làm dụng. Đoạn văn sau nầy của Lão Tử có thể gồm nắm tinh hoa của học thuyết Lão Tử: "*Trí HƯ cực, thủ TỊNH đốc: vạn vật tịnh tác. Ngô dĩ quan PHỤC. Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn. Quy căn viết TỊNH, thị vị viết PHỤC MẠNG. Phục Mạng viết THƯỜNG. Tri THƯỜNG viết MINH. Bất tri thường, vọng tác hung*." 致虛極守靜篤萬物並作吾以觀復夫物芸芸各復歸其根歸根曰靜是謂曰復命復命曰常知常曰明不知常妄作凶 (Đến chỗ cùng cực HƯ KHÔNG, mới giữ được lòng hết sức THANH TỊNH: vạn vật đều do nơi đó mà sinh ra. Rồi ta lại thấy tất cả đều quay về. Ôi, vạn vật trùng trùng… vật nào rồi cũng quay về cội rễ của nó. Trở về cội rễ, nên gọi là TỊNH, nên gọi là PHỤC MẠNG. Trở về với MẠNG, nên gọi là THƯỜNG. Biết rõ đạo THƯỜNG là sáng; không rõ đạo THƯỜNG mà làm liều là gây hung họa.)

Câu "QUY CĂN PHỤC MẠNG" nói lên được một cách rõ ràng cái công dụng của HƯ VÔ. Nơi quẻ Thái, trong kinh DỊCH có viết: "*vô vãng bất phục*" (không có một cái gì đi ra mà không có trở về). Cho nên cái gọi là biến động chỉ là một việc đi đi về về vô cùng vô tận: "*vãng lai bất cùng vị chi thông*". Đồ số 4 trước đây đã nói rõ điều ấy. Lại cũng nói: "*Nhất âm, nhất dương chi vị Đạo*" nghĩa là hết ngày tới đêm, hết đêm tới ngày luân phiên thay đổi nhau. "*Vãng lai*" là một đi một về, và vì thế cũng nói về cái đạo nội ngoại: Dương thì tán (đi ra), Âm thì tụ (trở về), Dương thì động, Âm thì tịnh, cho nên học ĐẠO là trở về cõi TỊNH, cái TỊNH TUYỆT ĐỐI (HƯ VÔ): "HƯ CỰC TỊNH ĐỐC".



Đồ số 5 giúp ta hội ý thêm cái nghĩa của hai chữ "*vãng*" và "*lai*" dưới một khía cạnh khác: nội ngoại và tiêu tức.

Ở đồ này điểm HƯ VÔ ở chính giữa cái vòng tròn. Cái trục AOA' bây giờ lại ở ngay trung tâm vòng tròn O. Điểm O là nơi xuất phát mọi cuộc sinh (đi ra) tử (đi vô), mọi hành động hướng ngoại hay hướng nội. Từ trong đi ra là phần dương (tán); từ ngoài trở về trong là phần âm (tụ). Một 'ra', một 'vào', một tiến, một thối, một mở, một đóng… đó là Đạo "*nhất âm nhất dương*", đạo "*vãng lai bất cùng*" của Trời Đất.

Tóm lại, học thuyết của Lão Tử sở dĩ chủ trương VÔ VI THANH TỊNH, lấy HƯ VÔ làm căn bản, là vì Ông xem nặng cái gốc mà coi nhẹ cái ngọn: "*Bổn lập nhi Đạo sinh*" (本立而道生). TỊNH là gốc của Động.

HƯ VÔ gồm nắm tất cả mọi mâu thuẫn trong thái hòa, chứ không phải trong tranh chấp và thủ tiêu lẫn nhau. Thực hiện được cái TÂM HƯ là thực hiện được sự an lạc của tâm hồn thanh tịnh giữa cõi đời ồn ào náo nhiệt:

Tịnh thắng nhiệt (静勝热)

Có hiểu được hai chữ HƯ VÔ mới hiểu rõ được tại sao cái SINH nằm trong cái TỬ, cái TỬ nằm trong cái SINH; cái CHÂN nằm trong cái GIẢ, cái GIẢ nằm trong cái CHÂN; cái HƯ nằm trong cái THỰC, cái THỰC nằm trong cái HƯ; cái PHÚC nằm trong cái HỌA, cái HỌA nằm trong cái PHÚC; cái LOẠN nằm trong cái TRỊ, cái TRỊ nằm trong cái LOẠN… Hay nói một cách khác, theo kinh DỊCH: "*Âm trung hữu Dương căn; Dương trung hữu Âm căn*" 陰中有陽根陽中有陰根.

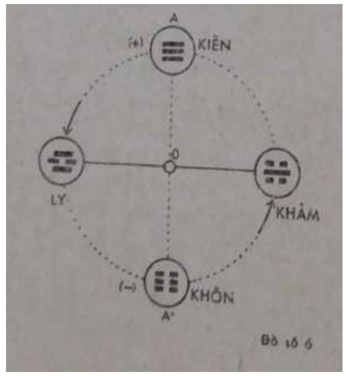
Có được cái nhìn đó, Trang Tử gọi là người có vương đức. Vương đức là đức của Chân nhân… "*nghe rõ được trong chốn vô thinh, thấy rõ được trong chốn mờ mờ, nghĩa là nghe thấy được trong những chỗ gọi là vô thinh vô sắc. Trong chốn mờ mờ của vô sắc, họ thấy rõ cái ánh sáng của ĐẠO, trong chốn im lìm của vô thinh, họ thấy rõ cái nhạc điệu thái hòa của tất cả mọi cuộc xung đột và mâu thuẫn trên đời*". Hay nói một cách khác, họ là người thấy được rất rõ trong Âm có Dương, trong Dương có Âm. (王德視乎冥冥聽乎無聲冥冥之中獨獨見曉焉).

Đạo học Tây phương có câu: "*Au sein du SILENCE, il est un SON, et au sein de ce Son, il est une VOIX qui parle. C'est la VOIX du SILENCE…*". Trong chốn Vô Thinh có một Âm-thinh, trong Âm-thinh đó có một Tiếng Nói. Đó là Tiếng Nói của VÔ THINH. Lão Tử gọi là "*ngôn vô ngôn*" 言無言.

Nơi đó tiên thiên bát quái, HƯ VÔ nằm ngay chỗ gặp gỡ của hai đường kinh vĩ (dọc ngang) làm thành chữ thập của những quẻ KIỀN-KHÔN (kinh) và LY-KHẢM (vĩ). TÂM HƯ trụ nơi chỗ vô trụ đó, mà Trang Tử gọi là "vô hà hữu chi hương". Theo truyền thuyết, lục tổ HUỆ NĂNG nhờ ngộ được câu "*ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*" (應無所住而生其心) của kinh KIM CƯƠNG mà đắc ĐẠO. Chỗ gọi là "*vô sở trụ*", kinh Dịch gọi là "*bất dịch phương*": "*quân tử lập bất*

dịch phương” (君子立不易方). Người quân tử luôn luôn đứng ngay chỗ không xê dịch ấy.

Nhìn đồ số 6 sau đây, ta thấy điểm O là nơi gặp gỡ điều hòa những cặp mâu thuẫn ÂM DƯƠNG (Kiền Không, Ly Khảm) nên mới có tên là THIÊN ĐỊA CHI TÂM[12], THIÊN ĐỊA CĂN, KHẢM LY TINH, ÂM DƯƠNG MÔN… Nên để ý: Dương và Âm tiên thiên thì gọi là Kiền Khôn, còn Dương và Âm hậu thiên thì gọi là Ly Khảm. Tiên thiên là nói về Thể; hậu thiên là nói về Dụng.



Toàn thể bộ CHU DỊCH chỉ nói đi nói lại có một điểm chính ấy mà thôi, với đủ mọi khía cạnh. DỊCH, thật sự chỉ có hai nghĩa chính: biến và bất biến. Dịch có nghĩa là biến, nhưng biến trong bất biến, hay nói một cách khác ĐỘNG trong TỊNH. Và như ta đã thấy trước đây: Tịnh là gốc của Động, và người đắc Đạo là người biết “*dĩ bất biến ứng vạn biến*” (以不變應萬變) lấy cái TÂM HƯ mà đối phó với vạn biến.[13]



Thay vì nói đến hai chữ HƯ VÔ, Dịch gọi là TRUNG CHÁNH: “*Dịch là gì? Là TRUNG CHÁNH mà thôi vậy! Nhờ nó khiến cho những gì bất trung trở về chỗ TRUNG, những gì bất chánh trở về chỗ CHÁNH. TRUNG CHÁNH mà đứng vững được rồi thì vạn biến mới được hanh thông.*” 易者何也中正而已矣使天下之不中歸于中使天下之不正歸于正中而萬變通矣

Chữ CHÁNH đây không phải là cái chánh đối với tà, mà để ám chỉ HƯ VÔ, chỗ gặp gỡ điều hòa của ÂM DƯƠNG, THỊ PHI, THIỆN ÁC v.v… Vương Bật nói: “*Từ chỗ biến mà biết được chỗ bất biến thì mới có thể bàn đến sự học DỊCH*” 自其變者而能知不易之方然後可以言易矣. Hay nói một cách khác: Học Dịch mà không hiểu rõ được cái BIẾN trong cái BẤT BIẾN thì sẽ không bao giờ hiểu được Dịch là gì cả.

Chỗ mà trước đây gọi là “*bất dịch phương*” Trang Tử gọi là *Đạo Xu* (cốt Đạo), là *Thiên Quân*. Ông bảo: “*đắc kỳ HOÀN TRUNG dĩ ứng vô cùng*” nghĩa là phải đứng vững ở chính giữa cái vòng tròn để giữ mức QUÂN BÌNH của ĐẠO, để hễ “*cao quá thì ép xuống; thấp quá thì nâng cao; có thừa thì bớt đi, không đủ thì bù vào*” chứ đâu phải như phần đông đã hiểu rất sai lầm rằng đạo TRUNG là đạo của những con người “ba phải” nhút nhát rụt rè, không bao giờ dám có một thái độ dứt khoát theo hẳn một bên nào, bên tả hay bên hữu. Có khi thiên tả, có khi thiên hữu, có khi phải tiến, có khi phải thôi, có khi phải giữ cho còn, có khi phải làm cho mất… để giữ CHÁNH

TRUNG của ĐẠO. Chính là chỗ mà Dịch kinh nói: "*Kỳ duy Thánh nhân hồ! Tri tiến thoái, tồn vong chi đạo nhi bất thất kỳ CHÁNH dã. Kỳ duy Thánh nhân hồ!*" (其唯聖人乎知進退存亡之道而不失其正者其唯聖人乎). Chỉ có bậc Thánh nhân mà thôi sao! Biết lúc tiến mà tiến, lúc thối mà thối, biết lúc phải giữ cho còn mà giữ, lúc phải bỏ mà bỏ nhưng không bao giờ mất chỗ CHÁNH TRUNG, ôi chỉ có bậc Thánh nhân mà thôi sao!

Nhà văn Tây phương, Gustave Thibon, cũng đồng một lập trường như trên, khi ông tuyên bố: "*… Sự lầm lạc thứ hai là cho hẳn rằng có một sự tranh chấp dứt khoát giữa TẢ và HỮU trong khi cả hai tương nhập và bổ túc lẫn nhau để giữ gìn sự nhất trí của sự SỐNG. Trong thực tế, không có một vị lãnh đạo chân chánh nào của Nhân loại lại thuộc về phái TẢ hay phái HỮU một cách tuyệt đối và không bao giờ thay đổi: tùy nơi, tùy buổi, tùy hoàn cảnh, họ đứng khi bên hữu, khi bên tả (mà thực sự họ không hữu, không tả)… Lúc nào nền tảng xã hội sắp khuynh hẳn về phía HỮU, thì chúng tôi đứng về phía TẢ để giữ QUÂN BÌNH cũng như lúc nào nền tảng xã hội sắp bị khuynh hẳn về phía TẢ, thì chúng tôi sẽ đứng về phía HỮU. Với những ai lên án chúng tôi là tương đối, là xu thời và trách chúng tôi không dám có một lập trường dứt khoát nào đối với nhóm Tả hay Hữu, chúng tôi xin tuyên bố rằng chúng tôi đã có lập trường dứt khoát từ lâu rồi: giữ vững sự thăng bằng ngay chính giữa trọng tâm của tòa nhà xã hội.*" (… la seconde erreur consiste à établir une opposition absolue entre la gauche et la droite alors que ces deux notions, dans la mesure où elles correspondent à un objet réel, s'entrepénètrent et se complètent dans l'unité de la Vie. En réalité,aucun guide authentique de l'Humanité n'est de gauche ou de droite d'une facon absolue et définitive: il est de droite ou de gauche suivant les temps, les lieux, les circonstances et les diverses réalités qu'il brasse (…) Là où l'échafaudage social menace de s'écrouler vers la gauche, nous nous portons vers la droite. À ceux qui nous accuseraient de relativié et d'opportunisme et nous reprocheraient de ne pas prendre nettement parti pour tel mouvement de droite ou de gauche, nous répondrions que nous avons déjà pris parti depuis toujours pour le CENTRE DE GRAVITÉ de l'édifice).[14]

Tóm lại, phàm đã nói đến QUÂN BÌNH là đã nói lên sự bình đẳng và đồng đẳng của hai nguyên lý ÂM và DƯƠNG. Tinh hoa của DỊCH LÝ gồm trong đồ THÁI CỰC, trong đó luật "ÂM trung hữu DƯƠNG căn; DƯƠNG trung hữu ÂM căn" có thể xem là căn bản của vạn biến, mà Lão Tử đã nêu lên một cách cụ thể:

"*Họa hề Phúc chi sở ỷ*" 禍兮福之所倚

"*Phúc hề Họa chi sở phục*" 福兮禍之所伏

Việc trong thiên hạ, mầm họa đâu phải sinh ra trong lúc loạn ly, mà thường dễ chia ra trong những lúc thái bình thạnh trị. Họa đâu phải sinh ra trong cơn họa hoạn, mà thường dễ sinh ra trong những lúc đang hưởng hạnh phúc tuyệt vời. Bởi vậy mới có câu: "*Nguy giả,hữu an kỳ vị giả dã; vong giả, bảo kỳ tồn giả dã; loạn giả, hữu kỳ trị giả dã. Thị cố: quân tử an nhi bất vong nguy; tồn nhi bất vong vong; trị nhi bất vong loạn. Thị dĩ thân an nhi quốc gia khả bảo dã*" (危者有安其位也亡者保其存者也亂者有其治者也。是故君子安不忘危。存而不忘亡。治而不忘亂。是以身安而國家可保也). *Nguy*, là vì yên chí với ngôi vị mình; *mất*, là vì chắc ở sự *còn mãi*; *loạn*, là vì cậy ở sự *được mãi* bình trị. Bởi vậy, người quân tử lúc yên ổn không quên lúc nguy; lúc còn không quên lúc sắp mất; lúc trị không quên lúc loạn. Nhờ vậy mà thân mới được yên và nước mới có thể giữ được.

II. QUAN NIỆM HƯ VÔ TRONG VĂN NGHỆ

Trong bất cứ ngành hoạt động nào, người Đông phương nhất nguyên luận mà biết thiện dụng HƯ VÔ, đều công nhận cái hiệu quả vô cùng kỳ diệu của NÓ.

Ngay trong phép tranh đấu về các môn kiếm thuật hay quyền thuật cũng có thể áp dụng phép HƯ VÔ một cách hết sức hiệu quả rõ ràng trong chiến thuật "bất tranh nhi thiện thắng" của Lão Tử.

Sở dĩ thuật tự vệ của Nhật Bản thường gọi là Nhu Thuật hoặc Nhu Đạo được xem như là một môn võ công siêu đẳng thế giới ngày nay, cũng chính nhờ biết tạo cho mình một cái thế HƯ KHÔNG để dụ địch kiệt lực vì quá dùng đến ngạnh công, trong khi đó mình cứ giữ quân bình bất động (Vô Vi hay Hư Vô) để cầm vững khí lực hầu nắm phần chiến thắng trong phút chót. Đó là phép dùng HƯ đánh THỰC, dùng NHU thắng CANG, dùng NHƯỢC thắng CƯỜNG của Lão Tử.

Áp dụng phép Hư Vô trong nghệ thuật là phép dùng u-mặc,[15] dùng sự khêu gợi hay nói bóng hơn là nói thẳng ra một cách quá rõ ràng sống sượng. Đời sống là một cuộc "*hằng chuyển như bộc lưu*": cái gì đã qua là qua hẳn[16]. Danh từ tịnh của giới nhị nguyên không làm sao nói lên được cái Chân lý tuyệt đối: vừa thiện vừa ác, vừa thị vừa phi, vừa tịnh vừa động, vừa sinh vừa tử của Huệ Thi đã viết: "*Vật phương sinh phương tử*".

Dùng lời nói hữu hạn không sao miêu tả được cái Chân lý vừa HẰNG vừa CHUYỂN, vừa BẤT DỊCH vừa BIẾN DỊCH. Bởi vậy, dùng HƯ KHÔNG trong nghệ thuật thượng thừa của Đông phương là phép dùng nghệ thuật "*biểu diễn cái không lời*" (ngôn vô ngôn) nghĩa là nói mà như không có nói, không nói mà nói rất rõ ràng. Ngày xưa Như Lai sau bốn mươi chín năm thuyết pháp đã long trọng tuyên bố "*chưa từng nói một lời nào!*" Đó là phép "*thính hồ vô thinh*" của Trang Tử, "*ngôn vô ngôn*" của Lão Tử.

Văn nghệ phẩm thượng đẳng của Đông phương Đạo học, vì vậy, phần nói lên không phải là phần chính yếu. Phần chính yếu lại là phần không nói được nên lời và chỉ có thể hiểu ngầm mà thôi bất cứ trong câu văn hay nét họa. Những bức tranh không lời dồi dào ý nghĩa hơn những bức tranh có lời, cũng như những bản nhạc không lời ý vị thâm trầm hơn những bản nhạc có lời bị hạn định trong một ý niệm đóng khung của thi nhân. Người ta nói: Kẻ nào chưa biết tự hạn chế trong ngôn từ, không bao giờ biết viết văn. Nhưng tôi muốn nói thêm: kẻ nào chưa biết phải giữ im lặng những chỗ cần phải im lặng… chưa có thể viết được văn hay. Không có gì làm người ta dễ chán bằng kể lể dài dòng và nói đến "*cạn tàu ráo máng*".

Lão Tử nói: "*Bảo thử Đạo, bất dục doanh*". (Người ôm ấp đạo, không bao giờ muốn đầy!) Là tại sao? Là vì cái gì trống không sẽ được bù vào cho đầy (oa tắc doanh 窪則盈). Một tác phẩm mà đầy đủ quá, sẽ không còn chỗ trống cho người thưởng thức và góp ý thêm, thì còn hứng thú gì nữa!

Lão Tử nói:

Khúc tắc toàn, 曲則全

Uổng tắc trực, 枉則直

Oa tắc doanh, 窪則盈

Tệ tắc tân, 敝則新

Thiểu tắc đắc, 少則得

Đa tắc hoặc. 多則惑

Văn chương nghệ thuật siêu đẳng của Đông phương, vì thế thường chăm chú đến những cái gì *bất toàn* (曲), và những cái gì *cong queo* (枉), ít chịu nói thẳng, mà thích nói vòng quanh hoặc thiếu sót (少).

Phàm cái gì *thiếu* cũng hay hơn *đủ*, lại càng hay hơn cái *thừa*. Trong văn chương nghệ thuật, hễ bớt là thêm: "tổn chi nhi ích". Nhờ thế mà văn càng được hàm súc, càng thêm khêu gợi. Không nói, nhưng nếu cần phải nói, chỉ nên nói nửa lời thôi.

Những chỗ *không lời* (vô ngôn), tuy thấy như là một sự lặng thinh, nhưng là một thứ *lặng thinh hùng biện* có khi còn hùng biện hơn cả sự hùng biện nữa: "*đại biện nhược nột*", và công dụng của nó thì "*kỳ diệu vô cùng*". Một câu văn hay một bài văn, một quyển sách hoặc một nghệ phẩm mà được thành công là nhờ ở những chỗ thấy như là thiếu sót hay dở dang… tức là còn có những chỗ nói chưa hết lời.

Trong quyển "*Để Thành Nhà Văn*" tôi có lưu ý bạn đọc về điểm khá quan trọng nầy: "*Cần nói nửa lời thôi, nhưng là những lời nói khêu gợi. Phải biết giúp cho người suy nghĩ, đừng suy nghĩ thế cho người. Người ta bảo: vì Pascal chết sớm nên sự nghiệp của Ông bị gián đoạn. Nhưng theo tôi, thì trái lại: chính nhờ Ông chết sớm mà sách vở của Ông có tánh cách giáo dục nhiều hơn cả, bởi lẽ rất giản dị là nhờ bị gián đoạn mà Pascal chưa kịp nói hết lời. Tiếng đàn hay là hay ở dư âm; lời nói hay là lời nói vắn tắt mà hậu ý thâm trầm mang mác…*". Có đúng với lời nói nầy của André Gide: "*Đâu phải những gì nói ra được mới tạo nên giá trị của một quyển sách, mà chính những gì không thể nói ra được, những gì muốn nói ra mà nói không hết lời, mới nuôi dưỡng ngấm ngầm được quyển sách*" (Ce n'est pas tout ce qu'on dit qui fait la valeur d'un livre, que tout ce que l'on n'y peut pas dire, tout ce que l'on voudrait y dire, qui l'alimente sourdement). Jean Cocteau cũng nói: "*Quyển sách hay là quyển sách gieo rắc đầy những chấm hỏi*".(Un beau livre, c'est celui qui sème à foison les points d'interrogation).

Một học giả Tây phương rất thâm về Đạo học Đông phương có khuyên người Tây phương duy lý của họ phép đọc sách về Đạo học Đông phương, nhất là sách của Lão Tử: "*Điều quan trọng không phải ở những gì sách ấy nói với ta, mà là ở những gì sách ấy đã khêu gợi được nơi ta…*"

Thật vậy, sự hiểu biết của người Đông phương là sự hiểu biết do mình tìm ra, hoặc nhờ bên ngoài khêu gợi mà khải phát. Và chính sự hiểu biết ấy mới thật là hiểu biết. Sách vở kinh điển của Đạo học Đông phương, vì thế phần nhiều dùng một lối văn cô đọng, vắn tắt, bóng dáng, không lý luận chặt chẽ, không minh chứng dài dòng. Đó là cốt để cho người đọc phải vận dụng công phu suy nghĩ mà lắng nghe cái tiếng dội ở nơi sâu thẳm của lòng mình. Họ chỉ khêu gợi thôi, chứ không phải cốt để truyền bá tư tưởng của họ. Dụng ý của họ là tạo một cái học về bề sâu. Sự tối tăm của câu văn có cái hấp dẫn của nó là kích thích óc tò mò, sự tìm hiểu ẩn ý của người viết, và nhân đó giải phóng được những tiềm lực sâu thẳm của lòng mình. Không khác nào ánh sáng thái dương giúp cho trăm hoa đua nở; nhưng cây nào trổ hoa nấy.

Phải biết "*đắc ý nhi vong ngôn*" như lời Trang Tử đã nói, thì mới có thể thưởng thức được những nghệ phẩm siêu đẳng thuần túy của Đông phương Đạo học.

Nghệ thuật Đông phương chịu ảnh hưởng rất nặng tư tưởng HƯ VÔ, cho nên bao giờ cũng có khuynh hướng biểu diễn cái vô cùng của Trời Đất Vũ trụ trong những gì nhỏ bé, thiếu sót như những nét họa, những câu văn vô cùng hữu hạn trong giới nhị nguyên của chúng ta.

Trong phép hội họa của người Tây phương, người ta rất để ý đến luật viễn thị: phân biệt rõ cái gần với cái xa. Trái lại, đối với người nghệ sĩ của Đạo học Đông phương, họ lại muốn thủ tiêu luật ấy, nghĩa là thủ tiêu quan niệm về thời gian tương đối chủ quan mà người ta tưởng là có thật. Điều quan trọng đối với người nghệ sĩ Đông phương là cốt tìm nắm lấy cái căn bản của vũ trụ, tức là cái HƯ VÔ, cái vô cùng vô tận ẩn trong từng sự vật hữu hạn. Người Đông phương tin rằng mỗi cái hữu hạn là một cái vô hạn. Chu Dịch bảo: "Các hữu Thái cực", nghĩa là mỗi vật đều là một Thái cực, một "tiểu vũ trụ" không khác gì một "đại vũ trụ". Thật vậy, sao gọi là gần, sao gọi là xa? Thượng đế có khi còn gần với ta hơn là chính cái bản ngã của ta. Ngọn núi xa thẳm kia có khi lại còn gần với ta hơn là những cây cối sống cạnh bên ta. Lắm khi ngồi trên chiếc thuyền trôi giữa dòng sông mà ta chết khát, cũng như đang sống trong tự do mà chả biết tự do là gì cả, tay đang cầm ngọn lửa lại đi xin mồi lửa nơi nhà kẻ láng giềng.

HƯ KHÔNG trong hội họa Đông phương cũng được tượng trưng bằng những nét bút mạnh và thẳng… dường như chỉ phớt nhẹ trên mặt giấy, và ta cảm thấy như nó đang bay đi vun vút mà mất dạng trên không trung, không chịu "*trụ*" nơi mặt giấy. Vì vậy, người ta đánh giá họa sĩ ở

những nét bút vừa mạnh bạo vừa nhẹ nhàng của họ. Nhất là trên những bức tranh thủy mặc, họa sĩ chỉ dùng có một màu đen, khi đậm khi nhạt, hòa với nước lã trên tờ giấy trắng thôi. Màu sắc cũng lợt lạt và rất ít, chứ không lòe loẹt: chỉ có sự cực kỳ đơn giản mới tượng trưng được HƯ KHÔNG, cái vô cùng, vô tận của vũ trụ. Màu đen đậm nhạt trên tờ giấy trắng tượng trưng sự gắn bó của Âm Dương làm nổi bật lẫn nhau. Lão Tử nói: "*Vạn vật phụ âm nhi bảo dương, xung khí dĩ vi hòa*". (Vạn vật, không vật nào mà không cõng dương và bồng âm, nhờ cái khí của HƯ VÔ mà điều hòa với nhau.) "*Xung khí*" là cái khí của Hư Vô (le souffle du Vide), ở hội họa là những nét bút vừa táo bạo vừa nhẹ nhàng, thường gọi là *thần bút*. Muốn nhận thấy cái "*thần*" trong chữ viết hay bức họa, người ta nhìn ở nét bút của họa sĩ, nét nào đã phóng ra, không bao giờ đồ lại. Nét đồ, là nét chết. Cũng như cái gì đã qua, là qua hẳn. Đạo, không có quá khứ.

Muốn nắm lấy cái HƯ KHÔNG tuyệt đối, nghệ sĩ phải phá các hình thức tự nhiên "hữu danh" để tạo những hình thức mỹ thuật "vô danh"... Vì vậy mới có lối cấu tạo tự do, không lề lối nhất định gì cả. Thay vì vẽ một cái cây đầy đủ, họa sĩ chỉ vẽ một đoạn thân cây, không gốc không ngọn. Một ngôi nhà chỉ được tượng trưng bằng một cái nóc hay góc cạnh nào đó thôi. Đó là để nói lên cái chân lý của Lão Tử: "*khúc tắc toàn", "oa tắc doanh"...* Những hình thức gây được nhiều mỹ cảm nhất là những hình thức bất toàn và trống không, những hình thức không hình thức rõ ràng, những hình thức "*vị tế*" (chưa xong), nói theo Chu Dịch:

"*KÝ TẾ dĩ tận, VỊ TẾ vô tận*" (Chu Dịch)

Khởi đầu sáu mươi bốn quẻ là hai quẻ Kiền và Khôn, tượng trưng hai lẽ Âm Dương, nhưng chung kết là quẻ VỊ TẾ (chưa xong) chứ không phải quẻ KÝ TẾ (đã xong). Là vì đạo Dịch, tức là đạo biến hóa vô cùng của Trời Đất, không thể bị chấm dứt (ký tế): cái gì đã xong (ký tế) thì sự đã đến chỗ tận cùng rồi (fini); chỉ có những cái gì chưa xong (vị tế) thì mới có thể là vô cùng vô tận (infini) được[17]. Cho nên "*thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý*". Nhưng "thư", dù được tận ngôn, "ngôn" dù được tận ý, lời ấy cũng như ý ấy là những thứ ý, những thứ lời hữu tận, lời ấy cũng như ý ấy là những thứ ý, những thứ lời hữu tận và tầm thường, không có sự sống[18]. Giá trị của mỹ thuật thượng thặng của Đông phương Đạo học bao giờ cũng ở nơi sức khêu gợi của nó. Cái thực không bằng cái Hư, cái Có không bằng cái Không, cái chỗ Hữu ngôn không bằng chỗ Vô ngôn là thế.

Sự bất chấp luật viễn thị, dùng nguyên tắc không nguyên tắc, chỉ chú trọng đến cái thần khí của câu văn hay nét họa, cái màu không màu của màu trắng đen đậm nhạt của thủy mặc, đó là đại cương những đặc điểm của ngành hội họa phái Đạo học Trung Hoa, thảy đều có công dụng siêu thoát không gian để được cận với HƯ KHÔNG. Có HƯ KHÔNG mới gợi được cái cảm giác VÔ CÙNG.

HƯ KHÔNG là lẽ sống của vạn sự vạn vật trên đời. HƯ KHÔNG là ĐẠO, là SỐNG. SỐNG là QUÂN BÌNH của hai nguyên lý ÂM và DƯƠNG. Nhưng phải có mất quân bình mới có sự động chuyển mà thôi. Có mất quân bình giữa hai luồng điện Âm Dương mới có dòng điện lực. Có mất quân bình giữa vùng Nóng và vùng Lạnh mới có những luồng gió mát, mới có sự vận chuyển của thiên nhiên. Những sự mất quân bình ấy trên thế gian này, mới thấy in tuồng như không có Quân bình, kỳ thực chỉ là những sự mất *quân bình tạm* đang tìm cách lập lại cái QUÂN BÌNH tạm thời bị gián đoạn, như cái đòng đưa kia đang bị ly tâm, lắc lư để tìm cách lấy lại QUÂN BÌNH. Luật QUÂN BÌNH tuy vô hình, vô vi, chính nó lại chi phối tất cả mọi động tác trên đời.

Những hình thức cân đối làm cho ta cảm thấy như một cái gì bất động, không có sống. Nhà văn Nhật Sakarazawa Nyoti, trong quyển Le Livre des Fleurs, có viết: "*Tạo hóa không bao giờ tạo ra cân đối. Cân đối đồng nghĩa với sự bất động, với sự gì như đã kết liễu. Cái gì không cân đối, trái lại, cái gì gây được cái cảm giác như chưa xong (vị tế) mới có thể gây được cái cảm giác có sống*".(La Nature ne produit jamais de symétrie. Symétrie est synonyme d'immobilité, de terminaison. Ce qui est asymétrique, au contraire, ce qui donne l'impression d'être inachevé est seul capable de traduire la Vie).

Bởi vậy, thi sĩ hay nhạc sĩ phải biết làm cho mất để giữ cho còn, tức là biết câm lặng khi đang nói sướng mồm, biết phá niêm luật, biết giả vờ bỏ quên, bỏ sót, phải biết làm như ấp a ấp úng... như trước đây đã nói. Đó là nghệ thuật tối cao mà nghệ sĩ tầm thường không sao theo kịp.

Đó là chưa nói đến cái học căn bản của con người, cái học cần thiết nhất, thiếu nó, tất cả các

môn học khác đều trở nên phù phiếm: tôi muốn nói đến cái học DƯỠNG SINH. Ở chương Đạo sinh, đứng đầu các thiên chương trong quyển Nội kinh, người xưa đã lấy hai chữ HƯ VÔ làm căn bản cho thuật dưỡng sinh:

Điềm đạm HƯ VÔ 恬澹虛無

Chân khí tùng chi 真氣從之

Tinh thần nội thủ 精神内守

Bịnh an tùng lai 病安從來.

Thực hiện được cái TÂM HƯ, thì những vấn đề thị phi vinh nhục đâu có làm điên đảo tâm tư, tinh thần đâu còn ly tán vì thất tình lục dục. Chân Khí được ngưng tụ đầy đủ mà trở về. Bịnh làm gì đến được. Đó là cả mật pháp "*khước bịnh diên niên, bảo trung thủ nhất*" của Đạo gia mà tôi sẽ bàn kỹ ở một nơi khác, trong quyển THUẬT DƯỠNG SINH hiện đang biên soạn[19].

Tóm lại, sở dĩ phần đông người ngày nay trách văn chương của Lão Trang quá cô đọng, tối tăm, thiếu sự rõ ràng dứt khoát như thứ văn chương nhị nguyên của người Tây phương nhị-nguyên-luận ngày nay, là vì họ chưa rõ cái thứ bút pháp huyền ảo hư vô mà chính Lão Tử đã nêu lên trong đoạn văn sau đây:

大成若缺其用不敝

Đại thành nhược khuyết, kỳ dụng bất tệ;

大盈若冲其用不窮

Đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng

大辯若訥

Đại biện nhược nột.

Văn chương mà viết được như thế mới thật là kẻ biết thiện dụng HƯ VÔ, biết chú trọng đến cái gốc hơn cái ngọn.

Trong một xã hội náo loạn của một chế độ hữu vi cực độ như ngày nay, thuyết HƯ VÔ của Lão Trang nói riêng và của Đạo học Đông phương nói chung, ắt phải có sứ mạng gì thiết thực của nó trong cái thế quân bình chung của nhân loại, há đâu còn phải là một việc thanh đàm vô dụng như có nhiều người đã nghĩ.

Biết đâu nó sẽ là một trong những giải pháp để đem đến cho con người một tâm hồn cao rộng, tiêu trừ được những ác tập nhị nguyên hẹp hòi câu chấp hay suy nghĩ một chiều. Suy nghĩ một chiều dễ sinh ra cuồng tín, và cuồng tín là tai họa ghê tởm nhất của thời đại, bất cứ thời đại nào. Pascal nói rất đúng: "*Nguồn gốc của tất cả mọi tà thuyết là do sự không quan niệm có sự hòa hợp giữa hai chân lý nghịch nhau, mà trái lại còn tin tưởng rằng chúng sẽ không bao giờ hợp được với nhau*" (La source de toute hérésie est de ne pas concevoir l'accord de deux vérités opposées et de croire qu'elles sont incompatibles). Và như thế, trừ bớt được cuồng tín phần nào, phải chăng may ra chỉ có thứ *văn hóa nhất nguyên lưỡng cực* của Đông phương và Tây phương Đạo học, là phương tiện duy nhất để đem lại cho loài người TÌNH THƯƠNG và HÒA BÌNH thực sự mà thôi.

III. ĐỂ THỰC HIỆN TÂM HƯ

Henri Bergson nói: "*Triết luận đâu có khó, nếu ta đừng để cho những tư tưởng đã đúc sẵn (thành kiến) đến chen ngăn giữa ta và sự vật*" (Philosopher serait chose facile si des idées toutes faites ne venaient s'interposer entre nous et les choses).

Chánh kiến, theo Đạo học, là *nhận thức được sự vật y như nó xảy ra, chứ không phải nhận thức nó theo lòng ưa ghét của ta mong nó phải xảy ra như thế nào*.

Nói thì dễ, nhưng thực hiện được cái TÂM HƯ để đối ứng với sự vật đâu phải còn là việc dễ nữa, khi tâm trí ta là một khối dầy đặc những thành kiến cá nhân và chủng tộc, những thành kiến xã hội cố định truyền thống của cả ngàn muôn đời kết hợp mà ta đã đặt cho nó cái tên rất tốt đẹp là văn minh văn hóa. Phải có một cuộc đại cách mạng và cách mạng đại quy mô con người toàn diện của ta mới có thể đả phá được cái ác tập nhị nguyên để đi đến Giải thoát.

Như trước đây đã nói, thực hiện Đạo không khó, miễn đừng lựa chọn, đừng còn có sự ưa ghét nữa. Lòng người thường ưa sướng ghét khổ, ưa sáng ghét tối, ưa vinh ghét nhục, ưa thiện ghét ác, ưa thắng ghét bại, ưa lợi ghét hại một cách triệt để thiên vị, trong khi những cặp đối đãi ấy không bao giờ có thể sống rời nhau. Sướng khổ liên đới nhau một cách hết sức mật thiết như bóng với hình. Bởi mong sướng mà không có khổ, mong vinh mà không có nhục, mong sáng mà không có tối… nên lòng mới có ưu tư, lo đặng sợ mất. Mong đặng mà chưa đặng, khổ. Không đặng, càng khổ hơn. Nhưng giả sử đặng rồi, mừng chẳng bao lâu, đã sinh lòng ưu tư sợ mất. Chưa mất, nhưng chỉ sợ mất mà thôi thì còn sung sướng gì nữa. Đời, thì có cái gì đặng mà không mất, và khi thực sự mất đi, thì đau khổ sẽ đến bực nào! Bởi vậy mới có nói: tìm hạnh phúc sẽ không bao giờ có hạnh phúc mà chỉ có ưu tư hay thống khổ mà thôi. Lão Tử, vì vậy khuyên ta: "*bất dục đắc*" (đừng muốn được).

Có vượt qua được cái lòng "*ưa ghét*" và "*muốn được*", thì mới thực hiện được cái TÂM HƯ.

A. Phương pháp "dụng tâm nhược kính 用心若鏡" của Trang Tử

Muốn cho TÂM mình ứng được một cách trung thực hình ảnh chân xác sự vật thì phải biết sử dụng cái TÂM mình như tấm gương trong: "*chí nhơn chi dụng TÂM nhược kính*"

Sử dụng con Tâm mình như mặt gương, là thu nhận tất cả, chứ không có sự lựa chọn, nghĩa là không chọn riêng những gì mình ưa thích và loại bỏ một cách triệt để những gì mình không ưa thích hay ghét bỏ. Phải có một thứ tình như tình mẫu tử không bao giờ ghét những đứa con hư. Đó là lòng đại từ bi, năng hỉ xả của bậc Bồ tát, vì như Nho gia Trình Minh Đạo đã nói: "Thiện Ác giai thiên lý".

Nhưng rồi cũng không ôm ấp lưu giữ gì cả nơi lòng. Phải để cho con Tâm như mặt nước hồ thu trong vắt: những đàn cò trắng bay qua đều được hiện rõ trên mặt hồ… Nhưng khi đàn cò bay mất, mặt hồ cũng không còn lưu giữ hình ảnh cũ của cái gọi là quá khứ kia, dù nó có tốt đẹp đến bực nào. Bởi vậy, Trang Tử mới bảo: "*ứng nhi bất tàng*" **應而不藏**. Bởi không chứa giữ mà tâm hồn mới luôn luôn trong sáng như mặt gương không vẩn đục. Shri Anirvan nói với đệ tử: "*Hãy chấp nhận tất cả… nhưng coi chừng, đừng để bị vướng vào đâu cả*" (Acceptez toute chose…, mais gardez-vous bien d'être attaché à quoi que ce soit).

Thường cái gì mình ưa thích thì hay giữ gìn ôm ấp trong lòng. Ưa thì ấp ủ đã đành, nhưng ghét lại cũng khó quên, vì nó đối chọi với cái mà mình ưa thích, thành ra cái mà ta ghét càng ngày càng ăn sâu vào tâm khảm. "*Tương dục phế chi tất cố hưng chi*" (Hòng muốn phế đó, lại làm cho đó hưng lên). Ưa và ghét tương liên tương ứng, không bao giờ rời nhau: càng ưa cái mà ta cho là đẹp bao nhiêu, thì cái ta cho là xấu xa lại càng bị ghét bỏ bấy nhiêu… Hết sáng đến tối, hết ngày đến đêm, hết xuân hạ tới thu đông… có ai mà ngồi nguyền rủa bóng tối hay mùa đông để đừng có bóng tối hay mùa đông nữa không? Cho nên SỐNG là chấp nhận, chấp nhận một cách thông minh những gì mà lẽ nó phải vậy, không vậy không đặng (bất đắc bất nhiên).

Phương pháp đầu tiên để đả phá óc nhị nguyên và thành kiến là phải có óc HOÀI NGHI, thứ hoài nghi phá hoại (doute destructeur) mà cũng là thứ hoài nghi giải thoát (doute libérateur). Không phải hoài nghi những gì mình chưa biết mà phải hoài nghi những gì mình tin tưởng và ưa thích nhất đời. Tôn giáo, trái lại, dạy ta phải tin, và tin tưởng tuyệt đối. Đạo học lại bảo ta phải nghi, và nghi ngờ tất cả. Trang Tử nói: "*Ôi, thiên hạ đều biết tìm cái mà mình không biết mà chẳng ai biết tìm lại cái mà mình đã biết; đều biết chê cái điều mà mình cho là không phải, mà chẳng ai biết chê cái mà mình đã cho là phải*". Thế nhân thì khác: những gì họ đã cho là phải, ai nghĩ nghịch lại hoặc nói nghịch lại, là người thù. Bởi vậy, có nhà sử học cho rằng, chỉ trong vòng năm ngàn năm trở về sau nầy mà đã xảy ra có trên mười lăm ngàn cuộc chiến tranh trên toàn thế giới. Lịch sử đã dạy được người ta những gì mà cứ tin "bài học của lịch sử"?

Như vậy, bước đầu tiên trên con đường tìm Đạo, là cần phải đặt lại tất cả mọi giá trị, mọi vấn đề mà ta thụ lãnh một cách vô tâm thụ động từ mọi phía đưa lại: luân lý, giáo dục, sách vở, học thuyết, tôn giáo, chủ nghĩa, tập quán, v.v… Phải hết sức hữu tâm trong từng mảnh mún hành vi tư tưởng của mình hằng ngày, đừng sống say chết ngủ trên mớ thành kiến của nghìn xưa để lại dưới bất cứ hình thức nào, một cách vô tâm nữa. Có được vậy, may ra mới khám phá ra được cái đời sống máy móc không hồn của mình. Phải tập cho lòng luôn luôn bình thản, vô tư *thanh tịnh*, nghĩa là đừng để cho những vấn đề thị phi, vinh nhục điên đảo nữa. Nếu nghe ai nói gì, thường ta có thói phê bình, biện biệt dở hay, phải quấy, lên án hoặc biện minh. Óc bè phái, óc kỳ thị nhân đó mà sinh ra. Ở những xứ mà dư luận báo chí chiếm quyền bá chủ nhồi nắn tâm tư con người, nghệ thuật tuyên truyền tinh vi của những thứ con buôn văn hóa, chánh trị và tôn giáo, người ta dù có muốn được một tinh thần tự do, dễ gì! Nhất là trong xã hội ngày nay, xã hội của quần đoàn, thiểu số phải phục tùng đa số.

Để đi lần đến tâm trạng vô niệm, Trang Tử khuyên dùng đến phương pháp "*dụng Tâm nhược kính*" (để cho Tâm mình tiếp vật như mảnh gương trong).

Nhiều phái Đạo học hay Huyền học Đông cũng như Tây, khuyên các hàng đệ tử muốn nhập ĐẠO phải tập cho mình có một thái độ thản nhiên điềm tĩnh trước mọi khiêu khích của cuộc

đời. Mỗi khi nghe thấy kẻ khác nói hoặc làm những điều trái tai gay mắt, đừng bao giờ tỏ bày ý kiến tán thành hay chống đối. Nhất là dù chẳng thốt ra bằng lời, dù thái độ bên ngoài của ta thản nhiên điềm đạm, trong thâm tâm cũng tuyệt đối không nên có một phản ứng gì cả. Phải để cho lòng mình phẳng lặng như mặt nước hồ thu không gợn sóng. Ta phải xét thật kỹ đến chốn thâm sâu của cõi lòng, coi còn ẩn núp nơi đâu những khuynh hướng riêng tư chọn lựa, tuy bề ngoài thấy như thản nhiên mà bề trong vẫn còn máy động như những lượn sóng ngầm. Bỏ được cả sự ưa ghét của cái người của ta, bỏ cả thành kiến và dư luận chung quanh để nhìn tất cả với cặp mắt bình đẳng đại đồng của nhà Phật, với cặp mắt huyền đồng và tề vật của Lão Trang, một cách hết sức chân thành: "*Thành giả, Thánh nhi dĩ hĩ*" 誠者聖而已矣[20].

Được thế, lâu ngày ta sẽ mất lần cái gọi là bản ngã chứa đầy quá khứ (thành kiến) để thể nhập vào tâm hồn kẻ khác, mới có thể "dĩ bách tánh tâm vi tâm", lần hồi đi đến tâm trạng của kẻ đã huyền đồng cùng Vũ trụ Vạn vật, cảm thấy rõ ràng "*ngô TÂM tiện thị VŨ TRỤ, VŨ TRỤ tiện thị ngô TÂM*".[21]

Đối với người là thế, còn đối với mình cũng vẫn dùng một phương pháp. Xét mình, quan sát cái con người của mình lại càng khó hơn. Là vì mình hay bênh vực cái bản ngã của mình.

Sự biết mình phải là công việc làm đầu tiên, vì Đạo không đâu xa: Đạo ở nơi mình. Phải quan sát chính cái con người của mình, mà đừng phê bình, nghĩa là chê khen. Không phê bình, không lên án, cũng không biện hộ. Phải đứng ngoài mình để quan sát mình như một người xa lạ, không thân, không thù. Phải quan sát từng hành vi, tư tưởng mình, từng lời ăn tiếng nói của mình, từng cách ăn cách ngủ. Nhưng đừng dụng tâm sửa đổi gì cả, nếu mình thấy không vừa lòng. Đối với người cũng vậy. Để tự nhiên. Chỉ quan sát, chỉ nhìn xem. Hãy để lòng mình thu nhận tất cả như một cái máy ảnh, nhưng có điều khác với cái máy ảnh, là có thu mà không có giữ lại.

Với cách nghe thấy và quan sát hết sức kỹ lưỡng ấy, không có sự chọn lựa, không có sự phê bình, không có sự so sánh và đánh giá, không có sự lên án, không có sự biện minh… tâm hồn mới trở nên trong sáng vì đã thoát khỏi mọi bảng giá trị của mọi hệ thống đạo đức nhị nguyên.

Tóm lại, như trước đây đã nói, TÂM HƯ tuy chấp chứa được tất cả vào lòng, nhưng rồi cũng chẳng giữ lại cái gì cả, dù là những cảm giác sướng nhất đời người. TÂM HƯ, vì vậy, không còn dính dấp gì đến cái gọi là "quá khứ" nữa. Quá khứ là quá khứ, không ích gì cho hiện tại ta đang sống đây, lại còn trở ngại là khác nữa cho sự giải phóng toàn diện con người. Một Thiền sư bảo với người kia hỏi về ĐẠO: "*Nói ra không khó, nhưng người cần phải bắt kịp lời nói của ta ngay khi nó vừa thoát ra cửa miệng. Được vậy, là đã gần được Đạo rồi. Bằng không, sau đó người sẽ đâm ra suy luận viễn vông, rồi lại đổ lỗi về cho ta. Vậy, thà nên im lặng còn hơn, tránh cho nhau những điều lầm lẫn*". Lời nói vừa thốt ra khỏi cửa miệng, nếu bắt theo không kịp, nó lại biến thành quá khứ. Nhà Nho bảo "*ôn cố nhi tri tân*", lấy môn Sử học làm cái học căn bản cho vấn đề tri thức. Nhà Đạo, lại khác: họ không chấp nhận lối tri thức đó. Theo họ "*vi Đạo, nhật tổn*" (theo Đạo phải bớt), và càng ngày càng bớt cái học của nhị nguyên về thị phi, thiện ác đến không còn gì cả: "*tổn chi hựn tổn, dĩ chí ư Vô Vi*".

Nhị nguyên dạy NHỚ (vi học nhật ích), cho nên cái học của họ là cái học *ôn cố tri tân*. Nhất nguyên dạy QUÊN (vi Đạo nhật tổn), vì biết quên quá khứ (chấp chứa toàn là những vấn đề thị phi vinh nhục…) thì TÂM mình mới thích ứng kịp với cái vạn biến của cuộc đời muôn mặt vô thường[22].

Con người cũ có chết đi, thì *con người mới* của ta mới sinh ra để đối phó kịp với thời thế luôn luôn đổi mới. Bởi vậy, mới có nói: Học PHẬT, phải biết đọc kinh Phật, rồi xé kinh Phật: "*ưng nhi bất tùng*". Nếu lại còn lưu giữ những dấu chơn của quá khứ nơi Tâm mình, chưa phải là người thiện Đạo như Lão Tử đã nói: "*Thiện hành vô triệt tích*" 善行無轍迹.[23]

B. Phương pháp "sống trong hiện tại" của Thiền và Krishnamurti

Có người hỏi một thiền sư:

- Đạo là gì?

Sư đáp:

- Là những ý tưởng hằng ngày của ta.
- Nghĩa là gì?
- Mệt thì nghỉ; đói thì ăn.
- Nhưng mà, như vậy có gì lạ! Ai mà mệt không nghỉ, đói không ăn?

Nhà sư trả lời:

- Không! Khi anh ăn, anh đâu có mặt trong lúc ăn. Khi anh nghỉ, anh đâu có nghỉ; cái thần trí anh đang ở đâu đâu, tha hồ anh đeo đuổi theo óc tưởng tượng anh hoạt động ngoài cái việc anh ăn hay nghỉ. Anh đâu có sống trong HIỆN TẠI!

Nhà Đạo học Ấn độ hiện đại, J. Krishnamurti khuyên ta: "*Hãy tự mình quan sát lấy mình, đừng lên án, đừng phê bình, đừng bênh vực. Chỉ quan sát những gì đang xảy ra. Chỉ để tai nghe chiếc xe lửa chạy ngang mà đừng bị bực bội vì nó làm rộn mình, hay vì nó đến không phải lúc... v.v... Chỉ nghe thôi. Hãy quan sát tất cả mọi hành động của mình, từ cách ăn, cách nói. Nhưng đừng có ý muốn sửa đổi gì cả (cải thiện) cách ăn cách nói của mình. Chỉ nhìn xem một cách khách quan lạnh lùng. Và như vậy, anh sẽ trở nên một người rất nhạy cảm, (...) Do sự quan sát tỉ mỉ ấy, quan sát mà không thiên vị lựa chọn, không đánh giá, không biện minh, không so sánh, không lên án, ta sẽ trở nên vô cùng nhạy cảm và hoạt bác phi thường. Tất cả những gì chứa trong tâm trí anh đều đã được tẩy sạch và đã trở thành HƯ VÔ (...)*[24]*. Lên án hay biện minh đều là những trở ngại khiến ta không sao nhìn thấy được sự thật một cách sáng suốt.*"[25]

Đoạn văn trên đây có thể xem là ý kiến căn bản trong giáo lý của Krishnamurti. Đặc biệt là nó rất trùng hợp với phương pháp "*dụng tâm nhược kính*" của Trang Tử đã nói trước đây. Đó cũng là điều mà tôi đã nhiều lần nhấn mạnh: *Hãy xem sự vật xảy ra y như nó đang xảy ra, mà đừng mong ước nó phải xảy ra như thế nào*.

Quan sát một cách khách quan sự vật quanh mình đâu phải là dễ. Nhất là khi ta quan sát mà không được phê bình, lên án hoặc biện minh như ta đã có thói quen làm hằng ngày, nhất là không nên có lòng mong ước sửa đổi hay cải thiện. Nói đến cải thiện là mặc nhiên mình đã chấp nhận có một cái thiện hơn cái mà ta đang có, tức lại rơi vào nhị nguyên. Trang Tử nói: "*Cẳng vịt thì ngắn, cố mà kéo dài nó đau; giò hạc thì dài, cố mà làm cho nó ngắn, nó khổ. Cho nên, Tánh mà dài, không phải cái nên chặt bớt; Tánh mà ngắn, không phải cái nên kéo dài, thì sao có đau khổ*".

Các nhà đạo đức hương nguyện chúng ta ưa cái việc lên án phê bình kẻ khác, và tỏ ra hằn học đối với những ai không đồng quan điểm về điều phải lẽ quấy của mình. Bao giờ họ cũng có sẵn một mẫu người lý tưởng phải uốn mình mô phỏng theo, lại còn muốn bắt buộc tất cả mọi người phải chấp nhận như họ. Và bởi thế mà họ đã vô tình hay hữu ý biến cõi đời nầy thành một địa ngục ở trần gian. Chiến tranh cũng vì thế mà càng ngày càng lan tràn khắp chốn, vì không một ai lại không tin tưởng rằng chỉ có mình là phải, là nắm được Chân lý mà thôi. Và đó cũng chính là điều mà cái gọi là Văn hóa và Giáo dục ngày nay đang lo thực hiện: một công trình nhồi sọ tập thể, cái học nhị nguyên của ngàn xưa lưu lại. Cái bệnh "thầy đời" là một căn bệnh trầm trọng nhất của thời đại, mà cũng là nguy hiểm nhất cho nhân loại.

Jean Grenier nói rất chí lý: "*Kẻ nào hết sức tin tưởng nơi một giá trị tuyệt đối nào, họ đã là người thù của Tự do rồi. Kẻ nào yêu Tự do trên tất cả là người, hoặc phủ nhận tất cả mọi thứ giá trị, hoặc tạm thời chấp nhận nó mà thôi*" (Celui qui croit fortement en une valeur est par là même un ennemi de la Liberté. Celui qui aime par-dessus tout la Liberté, celui-là ou bien nie les valeurs ou bien ne s'y attache que temporairement).[26] Ông lại nói tiếp: "*... thái độ căn bản*

cần phải có là giải thoát hoàn toàn lòng mình mọi thứ giá trị, vất nó tất cả, chứ không nên chuyển hóa nó theo kiểu Nietzsche…” (… attitude radicale à prendre: se délivrer entièrement des valeurs, les jeter par-dessus bord et non pas transmuer les valeurs à là manière de Nietzsche). Người tự do là người không còn bị ràng buột trong một bảng giá trị gì nữa cả. Họ tha hồ hoạt động, như Liệt Tử cỡi gió mà đi (ngự phong nhi hành) không phương hướng nhất định vì không hướng nào là hướng chánh phải theo cả. Trong bài "cỡi gió", Liệt Tử nói lên phương pháp thực hiện TÂM HƯ để đi vào cõi Tự do tuyệt đối như sau:

"*(…) Ta sẽ nói cho anh biết Thầy ta đã dạy ta như thế nào. Ròng rã 3 năm, ta vào cửa Thầy, lòng không dám nghĩ đến thị phi, miệng không dám nói đến lợi hại, được Thầy ban cho một cái nhìn. Năm năm sau, lòng không nghĩ đến thị phi, miệng không nói đến lợi hại, Thầy ban cho ta một nụ cười. Bảy năm sau, lòng thản nhiên không nghĩ đến thị phi, miệng không nói đến lợi hại, Thầy ta cho phép ngồi cùng một chiếu. Chín năm sau, ta để tha hồ cho tâm trí ta muốn nghĩ gì thì nghĩ, miệng ta muốn nói gì thì nói; không còn phân biệt cái gì của ta cái gì của người, thậm chí không còn biết ai là thầy ai là bạn nữa. Ta không còn phân biệt cái gì là trong là ngoài, bấy giờ ngũ quan ta được thống nhất: mắt như tai, tai như mũi, mũi như miệng, cả thảy đồng nhau. Tâm trí ta ngưng tụ làm một khối, còn hình thể ta thì nhẹ nhàng, thịt xương như sương khói, ta không còn biết lưng ta dựa nơi đâu, chân ta đứng nơi nào, ta tha hồ bay bổng như cỡi gió mà đi khắp chốn khi đông khi tây không phương hướng nhất định nào, không khác nào chiếc lá bay: ta không rõ có phải ta cỡi gió, hay gió cỡi ta…*". Tuyệt diệu là câu: không rõ có phải ta cỡi gió, hay gió cỡi ta!

Chỗ mà Liệt Tử bảo: "*không phương hướng nhất định*", chính là chỗ mà Trang Tử bảo "*vô hà hữu chi hương*", nhà Phật gọi "*ưng vô sở trụ*". Nghệ thuật Thiền, vì vậy, chủ trương thực hiện một đời sống vô cầu, vô trụ, vô niệm, vô tướng, như A. Watts đã nêu lên trong quyển *Le Bouddhisme ZEN:* "*Các đề tài thường xuyên của tất cả nghệ thuật Thiền là cái sống không mục đích, sự diễn tả tâm trạng người nghệ sĩ, cái cảm giác không biết đi về đâu trong cái khoảnh khắc vô chung vô thủy*" (Le thème constant de tous les arts Zen, c'est la vie sans but, l'expression de l'état d'âme de l'artiste, sa sensation de n'aller nulle part en un instant intemporel…).[27]

Thiện Ác liên quan mật thiết với nhau đến đổi ông dám hạ bút ghi mấy lời sỗ sàng mà thiết thực nầy: "*THƯỢNG ĐẾ ấp ủ nơi lòng QUỈ VƯƠNG* (DIEU couve le DIABLE… Le problème du MAL apparait dès qu'il y a un problème du BIEN, c'est-à-dire qu'apparait, sous diverses étiquettes, l'idée de quelque chose à faire pour "améliorer" la situation présente (…)… l'action et l'inaction, quand elles procèdent du désir d'un mieux, sont toutes deux vouées à l'échec). [28] *(Tức là trong Thái cực có ấp ủ Âm nghi. Hễ vấn đề ÁC hiện lên là có vấn đề THIỆN nêu ra)* (tức là chỗ mà Lão Tử bảo "*thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ*"). *Dưới mọi hình thức, bao giờ đạo đức luân lý thông thường cũng có ý bảo ta luôn luôn nên có thái độ phải làm một cái ghì để* "cải thiện" *tình trạng hiện tại cho tốt đẹp hơn (…) Làm hoặc không làm, nếu đều với mục đích cải thiện, sẽ đều thất bại cả.*[29]

Theo A. Watts, cái mà ta gọi là "mong cải thiện", "đeo đuổi hướng thiện" vẫn thuộc về ngã chấp. Ở quyển PHẬT HỌC TINH HOA, chúng tôi đã có bàn rất rõ vấn đề tu thiện: tu thiện vẫn bị ràng buộc trong vòng luân hồi. Coi chừng "bản ngã" rất tinh ranh, nó thường đổi chiến thuật để tự lừa dối mình: nó nói đến "vô cầu", là để "cầu" một việc khác đánh tráo vào, nó bỏ cái nầy để bám vào cái khác, nó bài bác giá trị nầy để tạo ra giá trị khác, nó bác bỏ ách độc tài nầy để chui vào ách độc tài khác, nó chối bỏ tôn giáo nầy để tạo ra tôn giáo khác. Tóm lại nó đi từ nô lệ nầy đến nô lệ kia, mà vẫn tự hào là làm cách mạng, là tìm giải thoát. Một trò hề của thế giới văn minh ngày nay: tìm đủ mọi phương thức để duy trì bảo vệ cái lòng ích kỷ của mình dưới mọi hình thức vị tha bác ái.

Một vấn đề sôi bỏng của thế giới ngày nay là vấn đề CHIẾN TRANH và HÒA BÌNH. Ai cũng cầu hòa bình, nhưng quái ác thay, kẻ "*cầu*" hòa bình lại trở thành người hiếu chiến hơn ai, khi họ đã nhận cho đó là một lý tưởng, là một chủ nghĩa phải triệt để tôn thờ và tranh đấu. Có khác nào kẻ cầu đạo đức, họ hăm hở, họ dấn thân, họ cuồng tín, đến đỗi họ đã biến thành một chiến sĩ bất khuất, tâm hồn đã trở thành khắc nghiệt có khi đến tàn nhẫn mà không hay. Họ là bọn đạo đức hương nguyện gây đau khổ cho đồng loại không kém gì bọn vô liêm sĩ, vô đạo đức. Luôn luôn cái phần đối nghịch nằm sẵn trong những cái gì thái quá.[30] "*Vật cùng tắc biến, vật*

cực tắc phản". Những gì ta *sợ quá*, hay *ghét quá* dễ trở ngược với ý muốn của mình, mà chúng ta thường gọi là "*effort converti*". Vì quá sợ chiến tranh mới dễ tạo ra chiến tranh. Đã có chiến sĩ của chủ nghĩa chiến tranh thì cũng phải có chiến sĩ của chủ nghĩa hòa bình. Chiến tranh, phải dùng bạo động, thì chống chiến tranh cũng phải dùng bạo động. Là vì cả hai đều là việc cưỡng bách người người phải chấp nhận lập trường tư tưởng của mình đã biến thành một chủ nghĩa (mà tiếng Pháp gọi là ISME). Chiến tranh nào mà không phải vì một cái gọi là CHÁNH NGHĨA. Và bởi thế mà chiến tranh sẽ không bao giờ dứt trên cõi trần gian nầy, mà chỉ có những cuộc "hưu chiến" ngắn hạn hay dài hạn mà thôi.

Tóm lại, đem cái Thiện mà trừ cái Ác vẫn sa vào cái bẫy Nhị nguyên, vẫn sa vào chiến tranh như đem Ác mà trừ Thiện vậy. Một nơi khác, J. Krishnamurti cảnh cáo ta: "*Kẻ đầy đức tốt, cũng như kẻ đầy tật xấu đều không ai gần CHÂN LÝ cả. Gần CHÂN LÝ là kẻ đã vượt thoát cả hai…*(Ni l'homme de vertu, ni l'homme de vice ne sont plus près de la Vérité; en est près, ce lui qui est LIBRE des deux…). *Đừng lấy cái nầy trong cặp mâu thuẫn mà trừ cái kia; cũng đừng tìm cách để lập lại quân bình giữa hai cái mâu thuẫn ấy, vì làm thế càng giúp cho bên đối phương càng mạnh thêm lên (như sức phản động của cái đòng đưa (pendule) bị kéo trịch qua một bên quá cao (Luật Phản Phục)* (Ne combettez pas un des termes de l'opposition en vous servant de l'autre; n'essayez pas d'établir un équilibre entre les deux, qui ne ferait que renforcer l'opposition). *Cái mà anh trốn tránh (ác) đã nằm sẵn trong cái thiện rồi…* (L'opposé contient la chose même que vous fuyez). *Đừng lấy cái thiện mà trừ cái ác, như anh có giận ghét ai, đừng lấy lòng từ ái mà che lấp nó* (si vous ressentez un ressentiment, ne le recouvrez pas de bonté) *mà phải giải thoát tâm trí anh khỏi cái ý niệm nhị nguyên* (mais délivrez votre esprit de l'idée de distinction individuelle). Càng lấy cái Thiện mà ức chế cái Ác, là làm cho Ác bị dồn ép mà tăng cao năng lực phá hoại của nó. Cho nên Lão Tử mới bảo: "Bất tranh nhi thiện thắng". Dùng cái "đòn" bất tranh mới thắng hoàn toàn được sức mạnh của địch như trong môn Nhu đạo hay Thái cực quyền."

Thật rõ ràng đúng là lời nói của nhà Phật Đại thừa, của Lão Trang, của Dịch học. Câu "*l'opposé contient la chose même que vous fuyez*", chính là câu "*Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn*" của kinh Dịch, và câu "*thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ*" của Lão Tử… Câu "*ne combattez pas un des termes de l'opposition en vous servant de l'autre; n'essayez pas d'établir un équilibre entre les deux, qui ne ferait que renforcer l'opposition*" tức là câu "*tương dục hấp chi, tất cố trương chi; tương dục nhược chi tất cố cường chi; tương dục phế chi tất cố hưng chi*" của Lão Tử. (Hòng muốn thu rút đó, là sắp mở rộng đó; hòng muốn làm yếu đó, là sắp làm cho đó mạnh lên; hòng muốn vứt bỏ đó, là sắp làm cho đó hưng khởi lên). Là vì Âm cực thì Dương sinh, Dương cực thì Âm sinh, cặp mâu thuẫn đó không bao giờ đơn phương tồn tại. Câu "*si vous êtes LIBRE à la fois de la vertu et du vice, vous comprenez l'INFINI*" tóm lược tất cả *pháp môn bất nhị* của Thiền Trung Hoa (tinh hoa của PHẬT LÃO).

Nhà PHẬT tối thượng thừa quả quyết: con đường tu của phần đông Phật tử xưa nay chỉ là con dường tu thiện nghiệp, tu phúc báo… Đó là công việc lo giồi mài cái sợi dây xích bằng vàng (chaine d'or). Con đường tu "thập thiện" (thiên thừa) lo trau giồi các đức hay nết tốt của luân lý thông thường được gọi là thánh đạo (voie des saints) sẽ không bao giờ đưa ta đến GIẢI THOÁT được. (La voie graduelle, la culture persévérante des vertus, la sainteté ne conduisent pas à la DÉLIVRANCE). Những bậc thánh trên các bậc thánh, dù họ có hy sinh cả tánh mạng của họ cho nhân loại, cho một đấng Thiên liêng cao cả nào nhất cuả họ… họ cũng vẫn mãi sống trong vô minh và bị giam mãi trong vòng luân hồi sinh tử (samsâra), nếu họ không hiểu rằng tất cả cái đó, thực ra chỉ là những trò chơi con trẻ, những thứ mộng, huyễn, bào ảnh do chính tâm trí của họ đã tạo ra và phóng lên bức màn vô tận của HƯ VÔ. (Le plus grand des saints, eut-il sacrifié mille fois tout ce qu'il avait de plus cher et sa vie elle-même pour l'amour d'autrui, pour celui d'un Dieu ou pour un noble idéal, demeure prisonnier du samsâra s'il n'a point compris que tout cela n'est que jeu d'enfant dénué de réalité, vaine fantasmagorie d'ombres que son propre esprit projette sur l'écran infini du VIDE).

Lục Tổ HUỆ NĂNG nói: "*Đừng nghĩ đến Thiện, cũng đừng nghĩ đến Ác, thì ngay trong lúc đó mới hiện ra được cái Bản lai Diện mục của mình*".

Krishnamurti thường nói: "*Cuộc sống, tự nó không có mục đích gì cả. Nó là vậy, vì nó phải vậy. Nói đến mục tiêu là đặt giới hạn cho cái SỐNG vô chung vô thủy. Lý tưởng không thực, chỉ là một mơ vọng mà thôi. Chỉ có cái sống trong hiện tại, mới có thể gọi là thực mà thôi. Ta mãi rêu rao lý tưởng Hòa bình, lý tưởng bất bạo động, và như thế ta đã đặt luôn nền móng cho Chiến tranh rồi*".

Thật vậy, sự vật tự nó đâu có mâu thuẫn, vì mỗi sự mỗi vật đều là một Thái cực, một tiềm lực chứa cả Âm Dương. Có mâu thuẫn chăng là khi nào ta đến với sự vật bằng một thái độ lựa chọn, hoặc muốn chiếm đoạt vì ưa thích hoặc ruồng bỏ vì không ưa thích, hoặc chấp nhận vì nó hạp với mình, hoặc chối từ vì nó không hạp với mình, nghĩa là ta đến với sự vật bằng một ý niệm ưa hay ghét.

Cuộc sống, thật sự tự nó cũng đâu có mâu thuẫn, vì mỗi lúc mỗi chứa đựng một thiên thu, mà nhà Thiền gọi là "nhất niệm vạn niên" (instant éternel)[31], cũng gọi là "Présent éternel". Chính là chỗ mà Krishnamurti nói: "*Chỉ có cái sống trong hiện tại mới là thực mà thôi*". Ngoài ra cái thời gian bị chia ra thành quá khứ hay vị lai đều là mơ vọng cả. Cuộc sống có mâu thuẫn chăng là khi nào ta đến với nó với một ý niệm ưa ghét lựa chọn: nhận định như thế nầy như thế kia, khen hoặc chê, mong cho nó phải như thế nầy mà đừng như thế kia. Cũng như ta hiện như thế nầy, lại muốn trở thành thế kia theo sự ưa thích của thiên hạ, hoặc theo sự ưa thích của mình theo sự biện phân thiện ác, chánh tà, vinh nhục. Ta đã bỏ thực tế mà vươn lên cái gọi là lý tưởng (nếu không gọi là ảo tưởng).

Con người là một cái gì vô tận (hư vô). Cuộc sống cũng vô tận. Đem cái vô tận của bên trong (tâm hư) để mà ứng với cái vô tận của bên ngoài (nội ngoại tương ứng) đó là hành động của bậc giác ngộ. Sống là một sự thiên diễn luôn luôn đổi mới (nhật tân chi vị thịnh đức, sinh sinh chi vị dịch). Mỗi sự mỗi vật luôn luôn đổi mới, trong mỗi sự việc xảy ra, không bao giờ có sự lặp lại cái đã qua. Bởi vậy nó đòi hỏi ta phải có một sự đáp ứng kịp thời, không thể diên trì. Cái gì đã qua, là qua hẳn. Kẻ có một lập trường cố định sẽ không bao giờ thích ứng kịp thời: "biến vi sở thích" (biến để thích ứng cho kịp) như Dịch kinh đã bảo. Sống là thích ứng, là đáp ứng khi đời đòi hỏi ta phải trả lời. Và phải đáp ứng cho kịp thời, đáp ứng ngay khi sự việc vừa xảy ra, nghĩa là phải trả lời tức khắc khi đời lên tiếng hỏi. Đừng bao giờ để cho giữa câu hỏi của đời và lời đáp của ta bị một kẽ hở cho cái gọi là quá khứ hay thành kiến xen vào làm ngăn cách.

Đời sống cuồn cuộn trôi đi như nước chảy dưới cầu: "thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ". Nghĩa là cuộc sống luôn luôn biến đổi trong từng sát-na, chứ đừng nói trong từng giây phút. Hành động ta cũng phải theo đó mà biến theo cho kịp thời, mà đáp ứng tức khắc như tấm gương (miroir): tấm gương nhận tia sáng nào là liền phản chiếu lại ngay, *không chần chờ do dự*. Tia sáng nhận được, đó là HỎI. Tia sáng phản chiếu, đó là ĐÁP. Sở dĩ không có một ý niệm nào sẵn có xen kẽ giữa cái đáp ứng của mặt gương là vì bản chất của tấm gương là HƯ KHÔNG: gương nhận hình, chiếu lại hình, nhưng không thu giữ hình bóng nào cả (ứng nhi bất tàng)[32]. Cái khiếu biết trực tiếp giữa tâm trí ta và sự vật, vì thế được gọi là "trực giác", nghĩa là đi thẳng vào, không qua một trung gian nào, một cặp kính màu nào. Nói đến những tấm kính màu, tôi muốn ám chỉ những gì mà ta đã học được qua sách vở, những giáo điều đã được giáo dục, tâm lý, tôn giáo đúc sẵn thành những khuôn thức, những kinh nghiệm đã biến thành những thành kiến. Quá khứ (cái gì ta đã biết) (le connu) không thể dùng làm khuôn vàng thước ngọc cho việc đối phó với việc đời ngay bây giờ hay ngày sau. Là vì cuộc sống là một cuộc biến chuyển liên miên không bao giờ dứt, để rồi có thể lấy đó dùng làm cái mẫu tận thiện tận mỹ mà việc gì cũng phải dựa vào đó để xét đoán việc làm của hiện tại. Cái SỐNG đã là vô tận thì sao có thể bắt quá khứ dừng lại? Cái "dừng lại" là cái "chết". Cho nên đối với Đạo, không có cái gì gọi là dứt khoát cả phải trả lời về những vấn đề tối trọng của nhân sinh. Phật tổ, sau bốn mươi chín năm thuyết pháp, lại nói: "*Bấy lâu nay, ta chưa từng nói một lời nào!*". Krishnamurti, trước sự thúc giục của hàng vạn thính giả yêu cầu ông nói thẳng cho họ bằng một câu nói dứt khoát phải làm gì, cái gì là phải, cái gì là quấy… Ông nói: "*Tôi cũng muốn dứt khoát bằng một tiếng trả lời, nhưng vì tâm trí tôi nhỏ bé quá! Cái gì có kết luận chẳng phải là Chân lý*". Kinh Dịch cũng không nói khác hơn. Dịch nói: "*Ký tế dĩ tận, vị tế vô tận*". Nghĩa là cái gì đã xong (hết) thì có sự cùng tận, và chỉ có những gì chưa xong (vị tế) thì mới là vô cùng. Chân lý hay sự Sống thì vô tận, nên không thể hạn định trong những giáo điều hữu hạn, dứt khoát. Đó là ý nghĩa của câu nói trên đây của Krishnamurti: "*Cái gì có kết luận chẳng phải là Chân lý*".

Người ta, phần đông theo tôn giáo nầy hay tôn giáo kia… bao giờ cũng có ý muốn tìm một cái gì dứt khoát trong giáo lý thành một thứ giáo điều để mà ngoan ngoãn tuân theo. Họ đâu có sống cái Sống vô tận thực tế, họ muốn nhốt cái sống động trong một cái khung, nhốt biển cả vào một chung nước, nhốt gió lộng ngàn phương trong một cái chai gắn kín… Vì vậy, Đạo học khuyên ta phải hoài nghi, và hoài nghi tất cả mọi giá trị, bất cứ từ đâu đến, bất cứ lưu lại từ thuở nào, xưa cũng như nay. Krishnamurti gọi đó là thứ hoài nghi giải phóng (doute libérateur)… và ông khuyên ta: "*Tôi muốn thúc giục các anh can đảm đi tìm CHÂN LÝ một mình và can đảm chấp nhận tất cả mọi sấm sét búa rìu của dư luận, và có được thế các anh mới trừ được cái tánh khí ươn hèn của các anh bao giờ cũng cố tìm một cái "lồng" để chui vào cho yên thân*".[33]

Một cách rõ ràng hơn, ông cho rằng phần đông chúng ta chưa sống, hay nói đúng hơn, chúng ta đang chết mòn: "*Suốt đời ta là một cuộc chết mòn, là vì trong đời sống hằng ngày của chúng ta, ta lo bắt chước kẻ khác, ta sao chép lại những gì kẻ khác nói, ta trốn tránh, ta tuân lời, ta uốn mình theo, tất cả cái đó là chết mòn*" (Toute notre vie est un processus de dépérissement parce que dans notre vie quotidienne, nous imitrons, nous copions, nous fuyons, nous obeissons, nous nous conformons, et tout cela c'est dépérir). Nhà Thiền gọi người có "sống" là người có tinh thần "vô trụ". Nghĩa là không trụ nơi cái gọi là "quá khứ" đã thành "ký ức" (mémoire). Ông lại khuyên ta: "*Cuộc sống luôn luôn đổi mới, tạo nên những tình cảm mới. Ngày hôm nay không thể giống ngày hôm qua và đó là cái tuyệt mỹ của lẽ Sống con người (đã thể nhập vào Đạo). Mỗi ngày anh đi làm về, nhìn lại gia đình, phải thấy vợ con đều mới lạ, chừng như khi mới gặp nhau trong buổi ban đầu*".

Cũng như dùng những ý niệm cũ của kinh sách ngày xưa để bàn đến Đạo không phải là đem cái đã qua (quá khứ) làm mẫu mực cho hiện tại, vì như khi trả lời cho một vị sư hỏi tại sao lại cứ dùng mãi một công án cũ mèm mà ai ai cũng biết để trả lời những câu hỏi mới. Điền Ngự thiền sư bảo "nhất hồi niêm xuất, nhất hồi xuân" (mỗi một lần đưa ra, mỗi một lần mới lạ). Một cây liễu, một cụm mây, một cành hoa, một dòng nước… hễ ta nhìn chúng phải mỗi lần thấy mới, không giống với cái đã qua. Thưởng thức một ngụm trà ngon, đừng sánh hương vị nó với những ngụm trà đã uống trước đây, cũng đừng phân biệt người uống trà với nước trà, mà chỉ thấy mình với trà là một, không chủ thể, đối tượng… tưởng chừng như không rõ có phải mình là hương vị của trà hay hương vị của trà là mình! Phải ở trong trạng thái Trang Sinh mộng Hồ Điệp hay Hồ Điệp mộng Trang Sinh. Nghe một khúc nhạc hay đến mê mẫn tinh thần cũng đừng tìm hiểu tiếng đờn hay do đâu phát xuất, do nghệ sĩ hay do cây đờn, mà nên nhập thể với tiếng đờn, tiếng đờn và ta là một, không còn biết tiếng là ta hay ta là tiếng đờn. Nội ngoại tương nhập, vật ngã vi nhất, đó là huyền đồng, là chứng ngộ: "huyền chi hựu huyền chúng diệu chi môn". Trong câu chuyện Liệt Tử cỡi gió mà đi (ngự phong nhi hành): tuyệt diệu ở chỗ Liệt Tử tự hỏi: "Ta không còn biết, ta cỡi gió hay gió cỡi ta!"

Pháp Diễn thiền sư giảng cho các đệ tử phương pháp tu Thiền, nói: "*Phép dạy tu Thiền của ta không khác gì học nghề ăn trộm*".[34]

"Đứa con trai tên ăn trộm, ngày kia, tự nghĩ: Cha ta nay đã già yếu. Ta phải làm cách nào để nuôi gia đình, nếu không nối nghiệp được cha ta? Vậy ta phải học nghề ăn trộm.

Nó bèn đem ý kiến ấy bàn với cha. Người cha mừng, nói: Tốt lắm!

Ngay đêm đó, lão nhứt định truyền cho bài học vỡ lòng.

Hai cha con cùng lách mình vào một nhà giàu có trong vùng. Sau khi mở được ổ khóa lọt vào trong, mở luôn nắp sập rương lớn đầy nhóc quần áo. Lão ra dấu bảo thằng con chun vào trong tha hồ mà khuân vét. Thằng nhỏ vừa chun vào trong, thì bất thần lão đóng nắp lại, khóa chặt, rồi lẽn ra ngoài, đập cửa lung tung đánh thức cả nhà dậy. Rồi lão chuồn êm về nhà.

Nghe đập cửa, cả nhà thức dậy, đèn đuốc đốt lên, kiếm tìm khắp chỗ. Không thấy gì cả, trong nhà tắt đèn đi ngủ. Tên ăn trộm con nằm chết điếng trong rương, không hiểu gì cả tại sao cha nó lại hại nó như thế?

Nhưng rồi, nó nẩy sanh một ý: nó giả làm chuột cào ngón tay trên mặt ván. Chủ nhà tưởng là chuột thiệt, dậy thắp đèn lên. Lấy chìa khóa mở rương. Thừa cơ hội, anh chàng tung ra như

chớp, xô chủ nhà ngã lăn, đèn tắt hết. Cả nhà rượt theo bén gót. Thấy nguy đến nơi, anh ta bèn nẩy ý ôm một cục đá lớn liệng ầm xuống giếng. Ai ai cũng tưởng tên ăn trộm sợ quá mà quyên sinh, nên trở về, không đuổi theo nữa. Anh ta bèn nhẹ gót về nhà.

Về đến nhà, tức quá, toan cự nự ông già. Ông già hỏi: Việc đâu còn đó, con hãy cho cha biết đã làm cách nào mà thoát thân?

Đứa con bèn thuật lại hết đầu đuôi, người cha nói:

- Hay! Mầy đã thành nghề rồi, tao không còn gì truyền lại cho mầy nữa cả!"

Câu chuyện ngụ ngôn hài hước trên đây muốn nói lên một chân lý mà trước giờ chúng ta đã bàn đi bàn lại nhiều, vì nó cực kỳ quan trọng: đáp ứng với cuộc đời luôn luôn đổi mới, phải giống như cách đáp ứng của tên trộm con trước sự biến chuyển dồn dập bên ngoài không sao dự tính được. Sự việc xảy ra bên ngoài thay đổi rất mau lẹ, không cho phép anh do dự chần chờ để nhớ lại những gì đã qua trong ký ức, hay mưu đồ việc gì cho điều sẽ tới. Anh phải luôn luôn chờ đợi và sẵn sàng đối phó không tiên kiến. Nghĩa là anh phải sống trong hiện tại, không được để ý tới quá khứ hay nghĩ đến tương lai. Tùy trường hợp, anh phải biết đáp ứng lẹ làng như một anh võ sĩ đang đứng trên võ đài trước mặt địch thủ, họ luôn luôn tìm cách tấn công bất ngờ, hoặc như người đang đứng trước một hiểm họa phải lo đối phó một sống một còn (như gặp rắn dữ hay ác thú chực vồ). Đừng đợi đến lúc có việc lớn mới lo ứng phó, mà phải ứng phó mau lẹ với bất cứ việc gì trong đời sống hằng ngày của ta.

Trí Bảo thiền sư, ngày kia bị một vị tăng hỏi: "*Sinh từ đâu đến; chết, đi về đâu?*" Trong khi sư lúng túng đang vận dụng "trí nhớ" để trả lời, vị tăng ranh mảnh cười, bảo: "*Thời gian suy nghĩ, mây bay ngàn dặm!*"

PHỤ LỤC

TIẾNG NÓI CỦA HƯ VÔ

TA là sự đấu tranh của các phần đối nghịch.

TA là MÂU THUẪN, là tinh hoa các sự vật trên đời.

Bị nhốt trong vỏ cứng, quả trứng đâm mầm, tự hủy, tự diệt rồi sinh ra gà con.

TA là cuộc đấu tranh ấy. TA là cái chất bị thiêu hủy, mà cũng là cái sức chống cự của cái vỏ cứng, vừa là cái mầm bên trong làm tiêu hủy sự chống cự ấy, mà cũng vừa là cái sức mạnh của cái mầm đó.

Hạt lúa, trong thửa đất tốt, chết lần, rồi tự diệt để nẩy sinh cành lúa. TA là cái sự tàn phá sức sống ấy, mà cũng vừa làm cho cành lúa mọc được sum sê. TA chấp chứa cái mà, do sự phát triển nội tại của TA, giết TA. TA được kẻ giết TA sinh TA.

Những chiến thắng của TA nằm trong những chiến bại của TA, những cái sinh của TA nằm trong cái tử của TA. Những cái sinh của TA, thực sự chỉ là những cuộc phục sinh, trong những gì giết TA. Nếu TA chết trên không, TA sinh ra trong lòng đất; nếu TA chết trong tâm thức, TA sinh ra trong xác thịt; nếu TA chết trong xác thịt, TA sinh ra trong tinh thần.

Khi người ta tìm TA trên cao, TA ở dưới thấp; khi họ tìm TA dưới thấp, TA ở trên cao. Khi không ai tìm TA cả. TA ở cùng khắp.

Khi họ tưởng họ hiểu TA, họ không hiểu TA đâu, khi họ tưởng họ hiểu TA qua đối lập TA, họ lại càng không hiểu TA nữa. TA làm cho Lý nẩy sinh trong Tình, và Tình nẩy sinh trong Lý.

TA là cái VÔ THỦY CHUNG trong cái HỮU THỦY CHUNG. Sống cũng như chết, không có trong TA, những cả hai đều có trong TA. TA là cái sống trong mỗi cái chết, và là cái chết trong mỗi cái sống. Nhưng TA cũng là cái chết của cái Chết, và là cái sống của cái Sống. TA không ở trong cái nầy, cũng không ở trong cái kia. Tất cả mọi cuộc đấu tranh biện chứng đều ở nơi TA, và TA cũng chính là cuộc đấu tranh đã vượt bực ấy. TA là sự thành tựu của những gì chưa thành tựu, mà TA cũng là cái mà không bao giờ thành tựu.

TA là cái chung, mà cũng là cái thủy của TA. TA không có thủy, mà cũng chẳng có chung. TA là tất cả.

TA không phải là vật gì. TA là mỗi vật.

TA không phải là một thứ tinh hoa nào. TA là mỗi thứ tinh hoa.

TA không phải là một mối giây liên lạc. TA nối liền.

TA không hành động, mà chính là sự hành động.

TA vừa là sự sống của mỗi mầm sống, vừa là sự kháng cự mà mỗi mầm sống phải cố gắng vượt qua.

TA không làm mềm yếu những sức đối kháng. TA lại còn cấp cho khí giới mỗi mầm sống (để chúng đối kháng).

TA không đấu tranh bên ngoài mà đấu chiến ngay trong lòng mọi vật…

La voix du silence

JE suis la lutte des opposés,

L'essence des choses, qui est CONTRADICTION.

Enfermé en sa coquille, l'oeuf germe, se dévore, se détruit, et nait poussin.

JE suis ce combat. JE suis la substance dévorée, la résistance de la coque, et le germe intérieur qui la détruit, et la force de ce germe.

Le grain, dans la bonne terre, meurt, puis se détruit pour que naisse l'épi. JE suis cette destruction vitale, et la levée des moissons. J'abrite ce qui, par mon développement M'assassine. JE suis engendré par mon meurtrier, en lui-même.

JE n'ai de victoires qu'en mes défaites, de naissances qu'en mes morts. Mes naissances ne sont que des résurrections, dans mes assassins. Si JE meurs dans l'air, JE nais dans la terre. Si JE meurs dans les consciences, JE nais dans les chairs; si JE meurs dans les chairs, JE nais dans les esprits.

Quand on Me cherche en haut, JE suis en bas. Quand on Me cherche en bas, JE suis en haut. Quand on ne Me cherche pas, JE suis partout.

Quand on pense Me comprendre, on ne Me saisit pas; quand on pense comprendre mon opposé, on ne Me saisit pas non plus.

JE fais naitre les cerveaux dans les coeurs, et les coeurs dans les cerveaux.

JE suis l'Intempored, non point en lui-même, mais dans le Temporel. La vie ni la mort n'existent en Moi, mais la vie et la mort existent en Moi. JE suis la vie en toute mort, et la mort en toute vie. JE suis la mort de la Mort et la vie de la Vie. Et JE ne suis ni dans l'une ni dans l'autre. Tous les combats dialectiques sont en Moi, mais JE suis ce combat dépassé. JE suis l'accomplissement de ce qui n'est pas accompli. JE suis cela qui ne se termine pas.

JE suis Ma fin et Mon commencement, et Ma propre somme. JE ne commence ni ne finis, JE suis total.

JE ne suis aucune chose, JE suis chaque chose.

JE ne suis pas une essence, JE suis chaque essence.

JE ne suis pas un lien, JE relie.

JE n'agit pas, JE suis action.

JE suis la vie de chaque germe, et la résistance qu'il surmonte.

JE n'amollis pas les résistances, JE donne des armes au germe.

JE ne combats pas du dehors, mais du dedans

Lời bàn

HƯ VÔ là không Thiện không Ác, là không có cực đoan nào, mà gồm cả ÂM DƯƠNG lưỡng cực nên gọi là VÔ CỰC hay THÁI CỰC. Chữ VÔ và chữ THÁI cùng một nghĩa: không riêng là một "*cực*" nào, không PHẢI hay QUẤY, THIỆN hay ÁC… SINH hay TỬ. Cho nên mới nói: "*SỐNG cũng như CHẾT, không có trong TA, nhưng cả hai đều có trong TA*".

Nhìn cái Thái Cực đồ của DỊCH, ta sẽ hiểu rõ bài văn trên đây: THÁI CỰC LÀ LƯỠNG NGHI, LÀ TỨ TƯỢNG. Thái cực gồm lưỡng nghi, là Âm và Dương. Nhưng trong Âm có gốc Dương, trong Dương có gốc Âm, mỗi nghi tuy MỘT mà gồm có HAI, tức mỗi nghi lại là một Thái cực. Cho nên mới nói: ĐẠO tuy MỘT mà HAI, tuy HAI mà MỘT. Tóm lại, ta có thể nói: MỘT (Thái cực) mà HAI (Âm và Dương); HAI là BỐN (tứ tượng). BỐN mà thực sự chỉ có HAI, và tuy HAI mà chỉ có MỘT. Đó là con đường thuận nghịch hai chiều của Dịch đạo. Câu "*các hữu Thái cực*" có thể là nguyên lý căn bản của Dịch học. Trong cặp lưỡng nghi, mỗi nghi là một Thái cực: Âm là một Thái cực, Dương cũng là một Thái cực, và như vậy tất cả đều là một Thái cực. Đó là tư tưởng căn bản của NHẤT NGUYÊN LUẬN: sinh tử là MỘT, thị phi là MỘT, thiện ác là MỘT, vinh nhục là MỘT, tối sáng là MỘT. Nghĩa là, không có một cái nào trong các cặp mâu thuẫn đơn phương tồn tại cả.



THÁI-CỰC ĐỒ

VAI TRÒ CỦA ÁC THẦN SHIVA

(theo Ấn Độ giáo)

Dịch kinh là bộ sách chứa đầy mâu thuẫn: Âm Dương hoạt động theo hai chiều thuận nghịch. Đó là chỗ ảo diệu của Tạo hóa: "Âm Dương thuận nghịch diệu nan cùng".

Dịch là sách căn bản của Đạo học Trung Hoa, cho rằng Dịch là BIẾN. BIẾN, tức là từ hình thức nầy chuyển sang một hình thức mới khác: CHẾT là điều kiện tất yếu của cái SỐNG.

Ấn độ giáo (hindouisme) tượng trưng ĐẤNG TỐI CAO (le Divin) với bộ mặt đa diện (đa thần), trong đó có ba vị thần chánh: BRAHMA (Tạo hóa, le Créateur), VISHNOU (Bảo tồn, le Conservateur) và SHIVA (Hủy diệt và Phục sinh hay Tái tạo).

SHIVA đóng một vai trò quan trọng trong mọi cuộc sinh hóa trong Vũ trụ. Nó là thần SÁT mà cũng là thần SINH. Theo nguyên tự, Shiva có nghĩa là TỐT. Ý nghĩa nầy mới xem, quả không thích hợp với vị thần có nhiệm vụ phá hoại và hủy diệt. Bởi vậy đã có nhiều nhà học giả Tây phương cho rằng đây là một nhận định phi lý, một sơ hở lớn trong quan niệm tôn giáo của người Ấn Độ. Đó là vì người Tây phương quan niệm tôn giáo liên hệ đến luân lý đạo đức thông thường theo nhị nguyên luận. Theo người Ấn Độ, tôn giáo thuộc về siêu hình vượt lên trên những vấn đề Thiện Ác. Phá hoại và hủy diệt là điều kiện tất yếu để đi đến sự SÁNG TẠO. Bản tánh của vạn vật là BẤT DIỆT, là THƯỜNG TRỤ. Cho nên, những cuộc thành, thạnh, suy, hủy, hưng vong trị loạn là những hiện tượng thông thường trong Vũ trụ. Như vậy thì nếu SÁNG TẠO là THIÊN LIÊNG, thì HỦY DIỆT cũng là phương tiện THIÊNG LIÊNG khác. SỐNG CHẾT, như ngày với đêm thay nhau tiếp nối không bao giờ gián đoạn. SỐNG CHẾT chẳng những nối tiếp nhau lại còn đồng nhất với nhau. SỐNG là một hành động "*phương sinh, phương tử*" (đang sống mà cũng đang chết). Với tư cách là cứu cánh, thì SHIVA là Tử thần. Với tư cách là nguyên lý sáng tạo, thì SHIVA là nguồn SỐNG. Đó là ý nghĩa của câu "*sinh sinh chi vị Dịch*" của Dịch kinh. SHIVA, vì vậy, được xem là một hung thần phá hoại và hủy diệt muôn loài, vừa được coi là một phúc thần bảo vệ sự SỐNG.

Có thể nói, Tạo hóa càng hiếu SINH bao nhiêu, càng hiếu SÁT bấy nhiêu, như lời nói nầy của Schlegel: "*Chỉ trong những lúc hăng say hủy diệt mà cái ý nghĩa Sáng tạo thiêng liêng mới hiển lộ ra. Chỉ trong cái Chết mới thấy nhánh lên cái Sống vô tận của Trời Đất*".

Vladimir Jankéléwich nói rất đúng: "*Cái gì không chết, không sống*" (Ce qui ne meurt pas, ne vit pas). Và đấy cũng là thuyết BẤT NHÂN của Lão Tử: "*Trời Đất bất nhân, xem muôn vật như chó rơm; thánh nhân bất nhân, xem bách tánh như loài chó rơm*". (Thiên Địa bất nhân dĩ vạn vật vi sô cẩu; thánh nhân bất nhân, dĩ bách tánh vi sô cẩu).

Raymond de Becker, trong quyển "*L'Hindonisme et la crise du Monde moderne*" cho rằng: Trong Ấn độ giáo có một vị thần Chiến tranh. Chiến tranh là một sự hủy diệt hợp với thiên nhiên, nên đối với Ấn độ giáo, không bị xem là một hành động tội lỗi: nếu sáng tạo là thiêng liêng, thì hủy diệt cũng là thiêng liêng. Không như người đã quan niệm rằng có những thứ chiến tranh có chánh nghĩa và có những thứ chiến tranh không có chánh nghĩa. Và như thế có những thứ chiến tranh được ban phúc lành, có những thứ chiến tranh bị chúc dữ. Dù được ban phúc hay bị chúc dữ, chiến tranh nào cũng là một sự hủy diệt. Đó là quan niệm về chiến tranh của Ấn độ giáo. Bởi vậy, Romain Rolland mới cho rằng Ấn Độ gần như thiếu hẳn một nền tôn giáo đạo đức (religion morale) mà chỉ có Tây phương mới có cái đặc ân ấy (privilège). Nhưng theo R. de Becker, cái mà Rolland gọi là đặc ân ấy chứng tỏ người Tây phương không đủ tư cách nhận thức được những thực tại siêu hình. Theo Ấn độ giáo, luân lý chỉ là vấn đề nhân tạo có tánh cách xã hội nhiều, không ăn chịu gì đến Chân lý, đến siêu hình, đứng ngoài vòng luân lý đạo đức. Thượng đế không Thiện, không Ác, không Tốt, không Xấu. Người Ấn Độ đâu phải không rõ sự quan trọng của vấn đề luân lý, nhưng không cho nó quá quan trọng như người Âu châu. Nhất là họ không lẫn lộn nó với tôn giáo và siêu hình. Ấn Độ đã tìm thấy sau lưng cái mà ta gọi là tội lỗi xấu xa, cái khuynh hướng phân ly chia rẽ và hủy diệt là khuynh hướng rất tự nhiên, rất cần thiết cho trật tự và hoạt động chung của Vũ trụ cũng như khuynh hướng xây dựng, hợp nhất, đoàn tụ. Tụ và tán là những hành động tự nhiên trong trời đất. Tụ là sinh, tán là tử. Đạo (hay Tạo hóa) vừa Tụ vừa Tán. Đó là một mở một đóng, một hô một hấp của Thiên

nhiên. Khuynh hướng xây dựng, hợp nhất, đoàn kết là khuynh hướng hướng Thiện của thần Vishnou. Khuynh hướng chia rẽ, phá hoại, hủy diệt là khuynh hướng hướng Ác của thần Shiva. Shiva là Thời gian (le Temps), là cái Chết (la Mort). Như Trình Minh Đạo bên Trung Hoa đã nói: "*Thiện Ác giai Thiên lý*".

Để kết luận, Becker viết: "Hậu quả của những hành động hủy diệt hay phá vỡ phải được chúng ta chấp nhận như một cái luật thiên nhiên, và chính trong sự chấp nhận đó mới có được sự giải thoát. Đừng hối tiếc tại sao ta sinh ra phải như thế nầy, và phải làm những gì phải làm."

Tóm lại, có vượt lên Nhị nguyên mới mong đi đến Giải thoát. Không có một công trình nào gọi là SÁNG TẠO mà không có một HỦY DIỆT mà ta thường gọi là Cách mạng. Chính do hành động hủy diệt ấy mà SHIVA giúp cho con người đi đến sự diệt trừ Vô minh, đi đến sự Giác ngộ. Vũ trụ mà càng bị phân tán và tan rã là được đi vào đêm tối của cõi HƯ VÔ, và chấm dứt được mọi sự phân biệt trong Không gian và Thời gian. Bởi vậy thần SHIVA được mệnh danh là Đại Thiên (Mahadéva). SHIVA được đồng hóa với Thời gian (Kala), vì Thời gian vừa cấu tạo mà cũng vừa hủy diệt không ngừng.

Krishnamurti, vì vậy, kêu gọi chúng ta, nếu muốn vào cõi SỐNG của Đạo thì phải CHẾT: "*Hãy chết đi với thời gian. Chết đi với quan niệm tổng quát về thời gian. Chết đi với tất cả mọi hệ thống tư tưởng, với mọi biểu tượng, chết đi với những danh từ, là vì tất cả đều là những mầm thối nát. Hãy chết đi với cái tâm thức của anh, vì chính nó đã tạo ra cái gọi là thời gian tâm lý. Cái thời gian ấy không có thật*."

Nếu nói theo kinh Dịch, thì vai trò SHIVA là vai trò của quẻ Bác 剝. Hai quẻ ấy đi liền nhau: không có Bác, không có Phục.

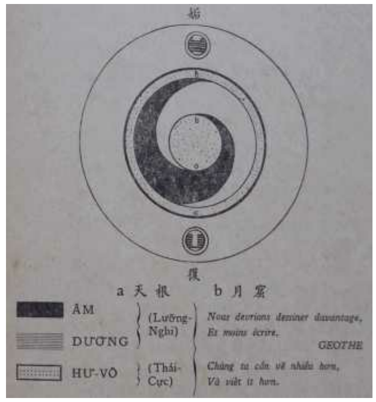
莫謂春殘花落盡

Mạc vị xuân tàn, hoa lạc tận,

庭前昨夜一支梅

Đình tiền tạc dạ, nhất chi mai.

HỮU SINH Ư VÔ



Nhìn kỹ đồ hình trên đây, ta có thể lĩnh hội được cái huyền nghĩa của HƯ VÔ trong câu “HỮU SINH Ư VÔ” của LÃO TỬ (vòng trắng ở trong và ở ngoài). Lão Tử cũng gọi đó là HUYỀN (玄) và cho đó là nguồn gốc của vạn hữu (chúng diệu chi môn 衆妙之門).

HƯ VÔ cũng có tên là HUYỀN TẨN. HUYỀN, là HƯ VÔ; TẨN, là Mẹ sinh ra ÂM DƯƠNG. Bởi vậy mới gọi HƯ VÔ là HUYỀN TẨN CHI MÔN, là THIÊN ĐỊA CĂN, là THIÊN CĂN NGUYỆT QUẬT, là CHÚNG DIỆU CHI MÔN, v.v…

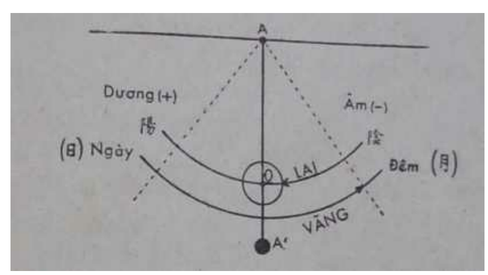
ÂM DƯƠNG sinh từ HƯ VÔ (vòng trắng bên trong và bên ngoài). Đó là cái HƯ VÔ ẨN (non-manifesté). Cũng gọi là KHÍ CỦA HƯ VÔ (souffle du Vide) (空). Nhà Phật gọi là HẰNG (hằng trụ bất biến), là CHÂN NHƯ, HƯ VÔ là Thể.

Vòng giữa 2 vòng trắng là nơi ÂM DƯƠNG xuất hiện quấn quít nhau, cọ xát nhau, tượng trưng giới hiện tượng (monde-manifesté). Đó là cái VÔ HIỆN. Cái VÔ ẨN thì gọi là ĐẠO; còng cái VÔ HIỆN thì gọi là ĐỨC. Nhà Phật gọi là VẠN PHÁP, là SẮC, là CHUYỂN (đối với HẰNG). VÔ VI là Dụng.

DƯƠNG sinh từ điểm HƯ VÔ **a** (ngay quẻ Địa Lôi PHỤC: nhất Dương sinh, tức là chỗ mà Thiệu Khang Tiết bảo “*ĐỊA phùng LÔI xứ kiến Thiên căn*”, rồi biến đi ở điểm **a’** của HƯ VÔ (vòng ngoài). Bởi **a** là chỗ Dương sinh, nên gọi là Thiên căn 天根 (gốc Dương).

ÂM sinh từ điểm HƯ VÔ **b** (ngay quẻ Thiên-Phong-CẤU: nhất ÂM sinh, tức là chỗ mà Thiệu Khang Tiết bảo “*KIỀN ngộ TỐN thời quan Nguyệt Quật*”, rồi biến mất ở điểm **b’** của HƯ VÔ (vòng ngoài). Bởi **b** là chỗ Âm sinh, nên gọi là Nguyệt quật 月窟 (gốc Âm).

DƯƠNG cũng như ÂM, khởi từ HƯ VÔ, rồi cũng trở về với HƯ VÔ. Bởi vậy HƯ VÔ cũng có cái tên là “SINH MÔN TỬ HỘ”. HƯ VÔ là cửa SINH, mà cũng là cửa TỬ của vạn hữu. Và TỬ là điều kiện tất yếu của SINH.



Nhân thế, câu thơ của Thiệu Khang Tiết:

Thiên căn Nguyệt quật nhàn lai vãng,
Tam thập lục cung đô thị xuân.

Có thể hiểu như thế nầy:

Kinh Dịch có câu: “*Nhất Âm nhất Dương chi vị ĐẠO*” (一陰一陽之謂道) và “*vãng lai bất*

cùng vi chi biến” (往來不窮謂之變) nghĩa là Âm Dương đắp đổi lại qua (nhật vãng, nguyệt lai; nguyệt vãng nhật lai) không bao giờ ngưng, đó là then chốt của đạo biến hóa của Trời Đất, của Dịch đạo. Thiên căn Nguyệt quật là ám chỉ hai điểm a và b của vòng HƯ VÔ, nơi vào ra (hạp tịch), đi về (vãng lai) của ÂM DƯƠNG, tức là ở điểm O (trên lằn AOA’).

Sở dĩ Thiệu tiên sinh gọi là “*nhàn lai vãng*” là vì sự đắp đổi Âm Dương đều theo luật tự nhiên mà hành động, hết ngày tới đêm, hết đêm tới ngày, không có sự bôn chôn vội vã: “*nhược giả, Đạo chi dụng*”. “Nhược” đây có nghĩa là nhàn nhã tự nhiên, không bôn chôn, không vội vã như người hữu vi, việc gì cũng muốn cướp thời gian…

“*Tam thập lục cung*” là nói chung 64 quẻ trong Kinh Dịch (8 quẻ bất dịch và 28 cặp quẻ phản dịch (36), cộng cung là 64 quẻ) đều thấy cung nào cũng là cung “*xuân*” (đô thị xuân). Hễ có BĨ là có THÁI, có BÁC là có PHỤC, có KHẢM là có LY, có TỔN là có ÍCH… nghĩa là có TỬ là có SINH: Tử để mà SINH, và chỉ có SINH SINH bất tận, như kinh Dịch đã bảo: “*Nhật tân chi vị thịnh đức, sinh sinh chi vị dịch*” (日新之謂盛德生生之謂易). Cho nên có thể nói: chết là điều kiện của cái sinh, cái gì không có chết, là không có SỐNG, như Vladimir Jankéléwich đã nói: “*Trên cõi đời nầy, không có chỗ nào dành cho cái chết cả*”. Thật vậy, hoàn vũ là một SINH VẬT sống mãi không bao giờ chết, trên cõi đời nầy chỉ có cái chết giả mà người ta cho là chết thật. Cho nên, thực sự, theo Dịch lý, đâu có mùa đông (mùa chết) mà chỉ có một cái xuân bất tận mà thôi (un éternel Printemps): “*tam thập lục cung đô thị xuân*”.

TƯ TƯỞNG HƯ VÔ

1. Đêm ngày, cứ chảy mãi như thế nầy ru!
   Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ!—DỊCH
2. Một mở một đóng, gọi là Biến;
   Qua lại không cùng, gọi là Đạo.
   Nhất hạp nhất tịch, vị chi Biến;
   Vãng lai bất cùng, vị chi Đạo.—DỊCH
3. Im lặng, không động;
   Đến lúc cảm, thì suốt được mọi duyên cớ trong thiên hạ.
   Tịch nhiên bất động;
   Cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố.—DỊCH
4. Đạo DỊCH là: có cùng mới có biến, có biến mới có thông, có thông mới được lâu bền.
   Dịch: cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu.—DỊCH
5. Đem cái mình ưa thích chống lại với những gì mình không ưa thích, đó là cái tâm bịnh của con người.
   Vi thuận tương tranh, thị vi tâm bịnh—TĂNG XÁN
6. Tâm hư thì tròn đầy, chẳng thiếu cũng chẳng dư;
   Bởi ta mảng lo giữ cái nầy bỏ cái kia, mà chẳng được như như.
   Viên đồng Thái hư,
   Vô khiếm vô dư;
   Lương do thủ xả,
   Sở dĩ bất như.—TĂNG XÁN
7. Nguy, là vì yên chí sẽ an hưởng mãi nơi ngôi vị mình;
   Mất, là vì chắc chắn nơi sự còn mãi của sự vật;
   Loạn, là vì tin cậy nơi sự trị.
   Bởi vậy,
   Người quân tử, lúc yên không quên lúc nguy;
   lúc còn không quên lúc mất;
   lúc trị không quên lúc loạn;
   Thế mới, yên được thân mà giữ được nhà được nước.
   Nguy giả an kỳ vị giả dã;
   Vong giả bào kỳ tồn giả dã;
   Loạn giả hữu kỳ trị giả dã.
   Thị cố,
   Quân tử, an nhi bất vong nguy;
   tồn nhi bất vong vong;
   trị nhi bất vong loạn.
   Thị dĩ, thân an nhi quốc gia khả bảo dã.—DỊCH
8. Tất cả… đều là hư vô!
   Vanitas vanitatum…
   Omnia vanitas.—BIBLE
9. Tất cả đều phải chấm dứt để cho tất cả đều được bắt đầu;
   Tất cả đều phải chết để cho tất cả đều được sống.
   Tout finit afin que tout recommence;
   Tout meurt afin que tout vive.—J.H. FABRE
10. Trình Y Xuyên bảo: -Thiên nhơn hợp Nhất.
    Nhưng Trình Minh Đạo lại nói: -Còn nói đến hợp Nhất là còn chia Hai. Phải nói Thiên nhơn vi Nhất. (Thiên đây là Thiên nhiên Vũ trụ).—TỐNG NGUYÊN HỌC ÁN
11. Thiện cũng như Ác đều là Lẽ Trời.
    Thiện Ác giai Thiên Lý.—TRÌNH MINH ĐẠO
12. Biết quên Thị Phi, thì tâm mình mới thích ứng kịp với cuộc sống.
    Tri vong Thị Phi, Tâm chi thích dã.—TRANG TỬ

13. Tất cả mọi đại biến tự nhiên đều là những cần thiết.
Tous les cataclysmes naturels sont des nécessités.—Shri ANIRVAN
14. Càng nghĩ đến cái CHẾT,
Càng hiểu rõ cái SỐNG.
Plus on pense à la Mort,
Mieux on connait la Vie.—M. MAETERLINCK
15. Bụi cát!
Rồi ngươi lại trở về với cát bụi.
Poussière! Tu redeviens poussière.—BIBLE
16. Sống là bạn đường của chết;
Chết là đầu mối của sống.
Sinh dã, tử chi đồ;
Tử dã, sinh chi thỉ.—TRANG TỬ
17. Hãy thứ tha cho tất cả,
Vì tất cả đều rồi phải tiêu ma.
Tout pardonner,
Parce que tout s'efface.—M. MAETERLINCK
18. Đừng thấy dữ mà chê,
Đừng thấy lành mà mộ.
Đừng bỏ trí mà gần ngu,
Đừng bỏ mê mà theo ngộ.
Được vậy thì mới đạt được Đạo tâm.
Bất đồ ác nhi sinh hiềm,
Bất quán thiện nhi cần thố.
Bất xả trí nhi cận ngu,
Bất phao mê nhi cần tựu ngộ.
Đạt Đại Đạo hề quá lượng.—Bồ đề ĐẠT MA
19. Đừng nói có sáng, có tối.
Đừng hiểu rằng tu theo Đạo là lấy Sáng trừ Tối, lấy Bồ đề phá Phiền não. Là vì phiền não tức bồ đề, chẳng khác nhau, chẳng phải hai. Nếu lấy trí huệ phá phiền não, đó là kiến giải "*có hai*" của hàng Thanh văn Duyên giác. Hàng trí cao, căn lớn không thể như vậy.
Đối với sáng và tối, kẻ phàm thấy có *hai*, hàng đại thừa thấy là "*bất nhị*". Tánh "*bất nhị*" ấy là thực tánh chân như. Thực tánh ấy bình đẳng ở muôn vật, bất cứ ở đâu, ở phàm phu không bớt, ở hiền thánh không thêm, ở phiền não không loạn, ở thiền định chẳng lắng. Cái thấy "*bất nhị*" tuyệt đối ấy chẳng đoạn, chẳng thường, chẳng đi chẳng đến, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài mà cũng chẳng ở giữa, chẳng sinh chẳng diệt, như như chẳng động, thường trụ chẳng dời. Đó gọi là ĐẠO. Nếu muốn biết chỗ tâm yếu của Thiền thì Lành Dữ bất tất đừng nghĩ đến, tự nhiên được ngộ nhập vào tánh thanh tịnh của Tâm, tuy vắng lặng linh minh mà diệu dụng đáp ứng với thế sự thì vô cùng vô tận.—Lục tổ HUỆ NĂNG–(Pháp bửu Đàn kinh)
20. Đừng nghĩ đến Thiện,
Cũng đừng nghĩ đến Ác.
Chính trong lúc đó mới hiện lên cái
Bổn lai Diện mục của mình…—Lục tổ HUỆ NĂNG
21. Có người hỏi lục tổ Huệ Năng: -Tại sao ngũ tổ truyền y bát cho ông?
Lục tổ nói: -Tại Ngài biết tôi rất dốt Phật pháp.—Thiền truyện.
22. Khám phá, tức là nhận thấy được sự vật trong trạng thái mới mẻ của nó như mình mới nhìn thấy nó lúc ban đầu. Nếu ta lại chỉ *nhìn ra* những gì ta đã nhận thấy trước đây, ta sẽ không bao giờ thấy được chân tướng của nó.
Découvrir, c'est voir une chose à l'état neuf comme si c'était là première fois, et on ne peut le faire si on reconnait ce que l'on voit.—KRISHNAMURTI
23. Kẻ đầy đức tốt, cũng như kẻ đầy tật xấu đều không ai gần chân lý cả. Gần chân lý,

kẻ đã vượt khỏi cả hai.
Đừng lấy thiện mà trừ ác, cũng đừng tìm cách lập lại quân bình giữa hai cái mâu thuẫn ấy, vì làm thế chỉ làm cho đối phương càng mạnh thêm lên. Cái đối lập nầy chứa chấp phần đối lập kia.—KRISHNAMURTI

24. Dù tội lỗi đến đâu, cũng đừng khóc than tuyệt vọng rằng người tội lỗi không bao giờ đi đến Giải thoát được. Hãy vứt hẳn đi cái mặc cảm rằng mình tội lỗi. Người Giải thoát là người không còn cái gọi là mặc cảm tội lỗi nữa.—Ramana MAHARSHI
25. Với kẻ lành, lấy lành mà ở;
Với kẻ chẳng lành, vẫn lấy lành mà ở.
Với kẻ thành tín (với ta), lấy thành tín mà ở;
Với kẻ không thành tín (với ta), vẫn lấy thành tín mà ở.—LÃO TỬ
26. Sống trong hiện tại một cách đầy đủ, toàn diện, là sống với "hiện hữu", không phê bình lên án cũng không tìm cách biện minh. Tất cả mọi vấn đề, nhìn qua ánh sáng ấy đều được giải quyết.
Vivre dans le présent, complètement, totalement c'est vivre avec ce qui "est", avec l'actuel, sans le condamner ni le justifier. Tout problème vu dans cette clarté est résola.—KRISHNAMURTI
27. Đừng phê phán gì cả, để rồi chính ta khỏi bị phê phán.
Ne jugez pas, et vous ne serez point jugès.—JÉSUS
28. Phê phán kẻ khác, là phủ nhận quyền tự do sống của họ.
Jugez les autres,c'est nier la liberté des autres.—KRISHNAMURTI
29. Đạo gia là người khinh ra mặt tất cả mọi giá trị đã được người người chấp nhận, họ cũng đâu có sợ vượt qua luật lệ xã hội. Nhân đó họ mới là TỰ DO. Họ cũng lại hoàn toàn tự do đối với bản thân, vì họ là người đã vượt khỏi thị dục cùng ý niệm của chính mình (…)
Cặp mắt của CHÂN NHƠN mở rộng, không bao giờ tìm cách dối mình.
Le Sage taoiste méprise ouvertement toutes les valeurs admises par les hommes et ne craint pas de transgresser les lois. Il est LIBRE. Il est libre aussi par rapport à lui-même, puisqu'il s'affranchit de ses désirs et de ses idées (…) Le Sage taoiste a les yeux ouverts et ne cherche pas à se mentir.—Jean GRENIER
30. Kẻ bắn giỏi hoặc người lội giỏi là những người bắn hoặc lội một cách thản nhiên không để ý đến việc bắn hay việc lội của mình, cũng như những người có nhiều ảnh hưởng đối với đồng loại thường lại là những người sống cách xa đồng loại.
Le meilleur tireur à l'arc et le meilleur nageur sont ceux qui tirent et qui nagent sans y penser, l'homme qui a le plus d'influence sur ses semblables est le plus souvent celui qui vit loin d'eux.—Jean GRENIER
31. Những người chưa giải thoát rất sợ cái vui của những người giải thoát. Không một ai sống trong CHÚA (Đạo) nếu chưa hoàn toàn chết với chính mình.
Les hommes non-libérés ont horreur de ce qui fais la joie des hommes libérés. Personne n'est riche de DIEU qui n'est complètement mort à soi-même.—Maitre ECKHART
32. Quan sát cụm tre trong mười năm,
Trở thành cụm tre ấy,
Rồi, quên hết đi…
Bấy giờ, hãy vẽ!
Observe du bambou pendant dix ans,
Deviens bambou toi-même,
Puis, oublie tout
Et peins!—E. HERRIGEL–(Le Zen dans l'Art chevaleresque du Tire à l'arc)
33. Lựa chọn, là hạn chế tư tưởng.
Choisir, c'est conditionner la pensée.—KRISHNAMURTI
34. Đừng dừng bước… Hãy để cho mình lăn trôi tự nhiên, cũng đừng lo nghĩ mình có trôi hay không trôi tới Biển cả!

Ne vous arrêtez pas en chemin.
Laisez-vous aller, sans même vous préoccuper si, oui ou non, vous atteindrez l'Ocean.—Shri ANIRVAN

35. Quỷ Vương là cái bóng đen của Thượng Đế.
Le Diable est l'ombre projetée par Dieu.—ALAN-WATTS
36. Đem cái thuận với lòng mình để chống lại với cái mà lòng không ưa thích, đó là cái tâm bịnh của loài người. Nếu không nắm được mối Huyền (Tâm Hư) thì dù có tịnh niệm vẫn hoài công.
Vi thuận tương tranh, thị vi Tâm bịnh.
Bất thức Huyền chỉ, đồ lao niệm tịnh.—TĂNG XÁN
37. Lấy tịnh mà ngăn động,
Chỉ làm cho động càng tăng thêm.
Chỉ động quy chỉ,
Chỉ cánh di động.—TĂNG XÁN
38. Không giữ lại gì cả nơi lòng mình thì lấy gì gọi là ký ức.
Lòng được HƯ KHÔNG thì tự nhiên trong sáng, cần gì phải lao tâm nhọc sức.
Nhất thiết bất lưu,
Vô khả ký ức.
Hư minh tự nhiên,
Bất lao tâm lực.—TĂNG XÁN
39. Mê, thì sinh lòng ưa ghét,
Ngộ, thì chẳng ghét thương.
Việc thua được hay thị phi,
Hãy nhất thời buông bỏ quách.
Mê, sinh ái ố,
Ngộ, vô hiếu ố.
Đắc thất thị phi,
Nhất thời phóng khước.—TĂNG XÁN
40. Bất cứ cái gì gọi là học thức đều thuộc về quá khứ cả: nó tịnh, nghĩa là đã chết. Một vật sống, trái lại, luôn luôn thay đổi, nó biến đổi từng phút từng giây trong khoảnh khắc.
Tout savoir est dans le passé: il est statique, déjà mort. Mais une chose vivante est toujours changeante, ne cesse de subir des modifications: elle est différente à chaque instant.—KRISHNAMURTI (Paris, 1961)
41. Nhận thức mà được toàn, khi nào tâm trí ta hoàn toàn thanh tịnh và hư không. Ta cần phải có cái tâm-không mới quan sát được.
Phải có một tinh thần hoài nghi lành mạnh đối với tất cả những gì ta suy hay ta cảm, những gì ta cho là quan trọng hay không quan trọng… Phải hoàn toàn độc lập cô đơn.
Il n'y a de perception totale que lorsque l'esprit est complètement silencieux et vide.
On a besoin d'un VIDE… pour observer.
… Avoir un scepticisme sain au sujet de ce qu'il pense, de ce qu'il sent, de tout ce qu'il considère important ou insignifiant… Être complètement seul.—KRISHNAMURTI (Saanen, 63)
42. "*Sống trong hiện tại*", là sống như đang bơi lội trong dòng nước chảy, chứ không phải như đứng nhìn nước đứng chứa trong một cái chai… Cuộc SỐNG là một sự trôi chảy cuồn cuộn không bao giờ ngưng.
Bởi vậy, muống sống đáp ứng kịp với những luồng sóng của cuộc đời phải nhìn theo cái động biến của cuộc đời như mình nhìn theo cái động của các lượn sóng… Cặp mắt phải nhìn theo sự di chuyển mau lẹ của dòng nước không bao giờ trở lại: bấy giờ ta đâu còn có thời giờ để mà suy tư giải thích, mà cho rằng cái này hay cái kia dở, hoặc phải chảy như thế này mà đừng chảy như thế kia… Không còn có người đứng nhìn dòng nước chảy, cũng không còn có dòng nước chảy, không có chủ, không có khách: người và dòng nước chảy là một. Không rõ mình

trôi theo dòng nước hay dòng nước trôi theo mình.—KRISHNAMURTI (Saanen, 63)

43. Hễ còn bị ảnh hưởng của quá khứ, ta không bao giờ gặp được cái mới.
Tant qu'on est sous l'influence du passé, on ne peut pas rencontrer le neuf.—KRISHNAMURTI (Saanen, 67)
44. Nếu ta bảo, đâu có gì mới lạ, ấy là ta nhìn đời với những thành kiến đã qua.
Si vous vous dites qu'il n'y a rien de neuf, c'est que vous regardez la vie présente avec des idées préconcues d'hier.—KRISHNAMURTI (Saanen, 61)
45. Chỉ thấy được một lần, không bao giờ thấy lại được nữa.
Nhất kiến bất khả tái kiến.—THIỀN NGÔN
46. Triết học cầu hiểu biết;
Đạo học lìa hiểu biết.
Triết học thì hữu danh,
Đạo học thì vô danh.
Bởi vậy mới có triết học (tri) và triết gia (hành) làm hai đối thể; trái lại, đạo học và đạo gia không phải hai mà là một thể.
47. Càng học càng thêm sự hiểu biết của kẻ khác;
Càng theo Đạo càng bớt sự hiểu biết theo kẻ khác.
Bớt đi, và bớt mãi đến "vô vi".
Vi học nhật ích;
Vi Đạo nhật tổn.
Tổn nhi hậu tổn, dĩ chí ư Vô vi.—LÃO TỬ
48. Cảm đâu ứng đó;
Ứng đâu hành đó. Đừng quá sớm, cũng đừng quá muộn.—THIỀN NGÔN
49. Thật vậy, con người là một cây sậy có tư tưởng. Tuy nhiên, những công trình kỳ diệu nhất của con người lại là những việc làm khi con người không nghĩ suy tính toán gì cả. Cho nên, cần phải trở lại "*như đứa trẻ thơ*" *bằng nhiều năm học để quên mình*.
Được như vậy, thì con người nghĩ mà không nghĩ: họ nghĩ như mưa rào trút xuống từ trời cao, như sóng vỗ trùng dương muôn trượng, họ nghĩ như tinh tú chiếu diệu cảnh trời đêm, như lộc non đâm chồi trong gió bấc… Nói cho đúng hơn, họ là mưa rào, là trùng dương, là tinh tú, là lộc chồi…—SUZUKI
50. Tự do, là ước nguyện của óc nhị nguyên, đứng cạnh cuộc đời;
Tự tại mới là chứng nghiệm của Tâm hư hòa đồng với cuộc sống.—THIỀN NGÔN
51. Thánh nhơn có cái hình của người mà không có cái tình của người. Có cái hình của người nên mới cùng một đàn với người. Không có cái tình của người nên thị phi mới không vào được cõi lòng.
Cùng một đàn với người là việc nhỏ.
Riêng làm một với Trời là việc lớn vậy.—TRANG TỬ (Đức Sung Phù)
52. Cũng như mùa xuân luôn luôn đổi mới. Mỗi lần mỗi khác, lá mới có một màu sắc khác, một sự mềm mại khác, một động chuyển khác. Cũng một thế, những gì tôi đã nói nay được nói lại, đâu phải là một sự lặp lại cái cũ, mỗi lần nghe, ta phải tìm thấy cái mới lạ của nó không hoàn toàn giống với cái trước.
C'est comme un printemps qui est toujours neuf. Chaque fois il est différent, la nouvelle feuille a une autre couleur, une autre douceur, un autre mouvement. De même, lorsque je parle de ces choses, elles ne se répètent pas et chaque fois on y découvre une fraicheur, totalement neuve.—KRISHNAMURTI (Saanen, 63)

[1] Đọc LÃO TỬ TINH HOA, trang 106, chương PHẢN PHỤC.
“Quẻ Phục, trên là quẻ Khôn, dưới là quẻ Chấn nên gọi là Địa-Lôi-Phục (sấm nằm trong lòng đất). Và như vậy, tuy là hào Dương ở sơ hào, hãy còn rất nhỏ, nhưng nó có công dụng của một thứ “*địa lôi*” làm rung chuyển cả nền tảng đền đài của một nền văn minh nhị nguyên cả mấy ngàn đời công phu đúc kết.

[2] Xem DỊCH HỌC NHẬP MÔN, chương II.

[3] Le “vieil homme” symbolise l’accumulation des mémoires du passé et l’inertie de la force d’habitude dont parlent les textes bouddhiques.

[4] Hay nói cho đúng: đó là thứ “*thị kiến không thị kiến*”.

[5] Trái với cái TÂM HƯ, là cái TÂM NHỊ NGUYÊN, tức là cái TÂM PHÂN BIỆT chỉ dung cho người thiện mà không thể dung người ác (như cái lòng của Bão Thúc, ưa thiện ghét ác). Bậc lãnh đạo quốc gia dân tộc phải rộng rãi khoan dung đối với tất cả mọi người, như cái lòng của Quản Trọng.

[6] Thiên hạ chi thủy mạc đại ư hải, vạn xuyên quy chi bất tri hà thời chỉ, nhi bất doanh; vĩ lư tiết chi bất tri hà thời dĩ, nhi bất hư… (THU THỦY). 天下之水莫大於海萬川歸之不知何時止而不盈尾閭泄之不知何時已而不虛 (秋水)

[7] "Thiên chi đạo, kỳ du trương cung dư: cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi. Thiên chi đạo: tổn hữu dư, bổ bất túc". 天之道其猶張弓與高者抑之下者舉之有餘者損之不足者補之天之道損有餘補不足.

[8] Trình Minh Đạo bảo: “*Thiện ác giai thiên lý* 善惡皆天理
Thiện Ác đều là lẽ Trời cả. Thiên về Thiện cũng như về Ác là sai. Nhưng vì thiên hạ quá lệch về phía Ác, nên sự hướng thiện và khuyến thiện là cần thiết để lập lại quân bình: tổn hữu dư, bổ bất túc. Chỉ có thế thôi.

[9] So sánh với câu này của A. Ferrière, trong *'Libération de l'homme': "Dualités polarisées. C'est là que se situe le problème premier de toute création. Apercevoir les deux pôles d'une dualité comme antagonistes, accentuer leurs différences, vouloir trancher en faveur de l'un des pôles au détriment de l'autre est pure aberration. Le rythme implique alternance et non exclusivisme. Ciel et Terre: il n'est pas question de décider pour lequel de ces deux pôles on optera de facon exclusive et absolue, comme si l'un était tout salut et l'autre toute perdition…*" (Paris, Ed. Mont-Blanc, 1944, p.66).
Bởi "*vô cầu*" nên không có cái việc bôn chôn lo đi tế độ và triệt để khuyến thiện: Bậc đạt Đạo không có tinh thần khuyến dụ, dù là khuyến thiện: Dịch đạo, đứng về phương diện tu thân, phải thực hiện kỳ được sự HƯ KỲ TÂM. Triết lý của nó là triết lý của sự THÁI HÒA (grande HARMONIE), chứ không phải là thứ triết lý "tu thiện" hay "tu thiện nghiệp" của nhà Phật tiểu thừa, tức là triết lý của sự tranh đấu để rồi phải có cái nầy thắng cái kia, tìm cách thủ tiêu lẫn nhau để được đơn phương tồn tại. Vì không có sự tranh đấu một mất một còn, nên cũng không có cái gì là mục đích cuối cùng phải đạt đến. Không có cái việc đi mãi theo một chiều mà không có sự trở lại. Vậy thì, có gì phải bôn chôn, vội vã, phải cướp thời gian hay phải cúc cung tận tụy suốt đời… mà hãy *để tự nhiên*.

[10] "*vô tâm*" đây không có nghĩa thông thường, mà đồng nghĩa với chữ "vô niệm".

[11] “Phải biết nhìn sự vật y như nó đã xảy ra, không nên nhìn nó theo lòng mong ước của ta muốn cho nó phải xảy ra như thế nào”. Phải tiếp đón nó như tấm gương tiếp đón sự vật, đừng để xen vào lòng ái ố (ưa ghét) nghĩa là đừng có sự lựa chọn. Phàm có sự lựa chọn là có thiên kiến. Thực sự có cái gì tự nó là đáng yêu hay đáng ghét? Hễ có tốt là đã có xấu, có cao là đã có thấp rồi trong đó. Cho nên cứ mãi đeo đuổi cái tốt có khác nào tiến mãi về phía mặt mà ghét bỏ phía trái, và loanh quanh mãi trong vòng lẩn quẩn. Bài học đầu tiên của Thiền là giải thoát ta ra khỏi cái vòng lẩn quẩn đối đãi ấy, vì bất cứ một sự lựa chọn nào cũng đều phi lý cả: Đừng mong mỏi hão huyền nhờ gạn lọc mãi cái tốt mà cuộc sống sẽ có thể đẹp đẽ hơn. Vì đã muốn cõi đời nầy mau trở thành một cõi thiên đàng, mà nó lại biến thành một địa ngục chốn trần gian (xem thêm phần Phụ lục).

[12] Phục kỳ kiến “Thiên địa chi tâm” hồ! 復其見天地之心乎

Điểm O (đồ số 6) gọi là Tâm của Trời Đất (Kiền Khôn). Nhờ sự phản phục của sự sự vật vật mà ta nhận thấy rõ công dụng của Hư Vô (Thiên địa chi tâm) ở điểm O.

[13] Tâm Hư, nhà Thiền gọi là Tâm Vô Niệm.
Kinh Dịch, nơi Văn ngôn thích nghĩa hào từ Lục Ngũ quẻ Khôn có viết: "*Quân tử hoàng trung thông lý, chánh vị cư thể, mỹ tại kỳ trung nhi sướng ư tứ chi...*" 君子黄中通理。正位居體。美在其中。而暢於四支
Hoàng trung là ám chỉ HƯ VÔ (cũng gọi là Hoàng cực (黄極. Nếu thông suốt được cái lý của Hư Vô, và đứng ngay chỗ ấy, nơi Thái cực (cũng gọi là Thể) làm nơi "*chánh vị*" mà nhìn khắp chốn (thượng hạ, tả hữu) tức là đứng chỗ "*bất biến*", chỗ gọi là "*bất dịch phương*" mà nhìn xem một cách thản nhiên vạn vật lưu hành 中正以觀天下. Đứng ngay chỗ "chánh trung" 正中 ấy, thì Đông Tây Nam Bắc (tứ phương hay tứ chi) đều "*thông*", không còn xung đột nhau nữa. Sự nghiệp thành tựu của Thánh nhơn là phát huy được cái đạo Trung ấy. Như vậy mới là tốt đẹp hết sức 發於事業美之至也.

[14] Trang Tử bảo "*hưu hồ Thiên Quân*" 休乎天鈞, Dịch khuyên ta "*lập bất dịch phương*" để có thể "*dĩ bất biến ứng vạn biến*". Dịch gọi TÂM THÁI CỰC là THIÊN ĐỊA TÂM, nhà ĐẠO gọi tắt là THIÊN TÂM "*Thái cực giả, THIÊN TÂM DÃ. THIÊN TÂM kiến, nhi thần minh chí hĩ* 太極者天心也天心見而神明至矣. Cũng như nhà Thiền gọi là có "*minh TÂM*" mới "*kiến TÁNH*": "*trực chỉ nhơn tâm kiến TÁNH thành Phật*". Một chỗ khác nhà ĐẠO bảo: "*Thái cực giả ngô TÂM chi THIÊN TÂM dã*" 太極者吾心之天心也. Thái cực tức là cái "LẼ TRỜI" nơi lòng ta: "*Các hữu Thái cực*" 各有太極 (mỗi mỗi đều là một Thái cực). "*Chân nhơn giả, Tâm đồng Thái cực, đức khế lưỡng nghi*" 真人者心同太極德挈兩儀.

[15] Xem quyển “*Cái cười của Thánh Nhân*” (T. G. Nguyễn duy Cần).

[16] P. Jordan: Die Physik des 20 Jahrhunderts, éd. Friedr. Vieweg, Braunschweig, 1947. “*A chaque instant, il y a quelque chose de totalement neuf au sein de chaque atome”. Aux niveaux les plus profonds de la vie spirituelle, il y a quelque chose d’intégralement neuf et d’inconnu, d’instant en instant*. (p. 158)

[17] Dịch Kinh có viết

易之道以不終爲終六十四卦不終爲旣濟而終爲未濟旣濟已盡未濟無窮

"*Dịch chi đạo dĩ bất chung vi chung. Lục thập tứ quái, bất chung vi KÝ TẾ nhi chung vi VỊ TẾ: Ký tê dĩ tận. Vị tế vô cùng*". Đạo của Dịch lấy chỗ không có chung kết làm chỗ chung kết. Sáu mươi bốn quẻ không chấm dứt nơi quẻ KÝ TẾ (đã xong), mà chấm dứt nơi quẻ VỊ TẾ (chưa xong). Là vì KÝ TẾ (đã xong) thì có chỗ cùng; VỊ TẾ (chưa xong) thì mới được gọi là vô cùng.

Thiệu Khang Tiết có câu thơ nói về quẻ "Vị tế" và "Ký tế":

飲酒莫教愁酩饤

Ẩm tửu mạc giao sầu dánh đánh

看花慎勿到離披

Khán hoa thận vật đáo ly phi.

(Uống rượu mà đến chếnh choáng (dánh đánh) thì rượu lạt mùi, cạn hứng; xem hoa mà đến lúc hoa nở đã nở quá rồi, thì hoa đã tàn hương sắc). Việc thiên hạ mà đến lúc *quá đắc ý*, chính là lúc không hay. Học Dịch, quý ở chỗ *đắc trung*, hễ *quá trung* là cơ nguy sắp đến. "Đánh đánh" là say quá, "Ly phi" là hoa nở quá độ.

[18] Dưới con mắt của người đại giác, sống là một cuộc sáng tạo không ngừng, chưa bao giờ có sự lặp đi lặp lại rặt khuông một cái gì đã qua. Trên một thân cây cành lá sum sê, nhưng không một cành một lá nào giống hệt nhau. Đó là chỗ tuyệt mỹ của hóa công. Ta tưởng chừng như thiên nhiên tạo hóa một khi đã tạo xong vật nào là đã đập nát cái khuông ấy. Cho nên luật bất bình đẳng tự nhiên đã tạo ra loài người, không ai giống ai cả. Và như vậy, không có cái tận thiện nào là cái tận thiện mẫu để người người xem đó mà bắt chước. Cổ nhân là cổ nhân, không nên mà cũng không thể bắt chước. Dù con khỉ có mặc áo của Trang Châu, vẫn là con khỉ.

[19] Bàn về đoạn văn trên đây, Nội Kinh Tri Yếu 内經知要 có viết: "*Nhơn năng thường THANH TỊNH, thiên địa tất giai quy. Chân nhất chi khí giai lại tùng ngã hĩ*" 人能常清静天地悉皆歸真一之氣皆來從我矣.
Người mà lòng thường được THANH TỊNH, thì khí ÂM DƯƠNG (tiên thiên) ắt đều được quy về. Khí Chân nhất cũng do đó mà trở lại với mình. "*Khí chân nhất*" là trỏ vào khí tiên thiên Kiền Khôn, được "thủ Khảm điền Ly": "*Tiên thiên Nhất khí hiệu HƯ VÔ*". Cái mật pháp của các phép Tĩnh tọa hay Thiền tọa là cốt gây được cái TÂM KHÔNG, tự nhiên, vô cầu, vô niệm, để phục hồi CHÂN KHÍ, nguồn gốc của sinh mạng. Nhưng một trong những cách thức phục hồi sinh lực tự nhiên và hiệu quả nhất, là tìm được *một giấc ngủ thâm sâu và không mộng mị*. Trang Tử nói: "*Cổ chi chân nhơn, kỳ tẩm bất mộng, kỳ giác vô ưu*" 古之真人其寖不夢其覺無憂. Dù muốn dù không, ngủ thì nhắm mắt (dưỡng Thần), tai không nghe (dưỡng Tinh), miệng không nói (dưỡng Khí). Tinh, Khí, Thần nhờ giấc ngủ thâm sâu mà được phục hồi. (Bậc chân nhơn ngày xưa, ngủ không mộng mị, thức chẳng lo âu). Sở dĩ ngủ mà không mộng mị, là nhờ khi thức, lòng không bị đảo điên vì thế sự (lòng đã được HƯ VÔ) nên không còn mặc cảm nữa. Đối với một số đông người của chúng ta, trái lại, ngủ chưa hẳn là ngơi nghỉ, dục vọng chưa hẳn là tắt, mà thật sự, cái giấc ngủ của họ chỉ là một sự tiếp diễn cuộc sống ồn ào náo nhiệt cứ ám ảnh mãi không thôi, ấy là một cuộc sống náo động được tiếp diễn với những ác mộng vô cùng khủng khiếp hơn. Bởi vậy, mới có câu: "*Trường sinh chi thuật, tất viết Hư Vô*" 長生之術必曰虛無. Nói đến phép sống lâu, tất phải nói đến HƯ VÔ. Điểm này cực kỳ quan trọng, tôi sẽ bản rất kỹ trong quyển THUẬT DƯỠNG SINH.

[20] Lão Tử có nói: "*Thiện giả bất biện; Biện giả bất thiện*" (Kẻ sành ĐẠO không ham biện bác, kẻ ham biện bác không phải là người sành ĐẠO). Chữ 'biện 辯' đây có nghĩa vừa biện biệt, vừa biện bác. Có biện biệt phân chia thiện ác, thị phi mới có biện bác để giành phần phải về mình. Bởi vậy "kẻ biết thì không nói, kẻ nói là không biết" (tri giả, bất ngôn; ngôn giả bất tri).
Shri Anirvan, trong quyển "*La Vie dans la Vie*", có nói: "*Celui qui sait est aussi muet qu'une pierre*" (p.181, Paris, Mont-Blanc, 1969). Kẻ đã hiểu biết thì câm như cục đá.

[21] Đạo gia bảo: “*Chân nhân giả Tâm đồng Thái cực; Đức khế lưỡng nghi*” (真人者心同太極德契兩儀)

[22] Trang Tử nói: “*Tri vong thị phi, tâm chi thích dã*”. Có biết quên thị phi, tâm mình mới thích ứng kịp với thời thế. (xem quyển “*Cái Cười của Thánh nhân*”, bài “*Học nghề ăn trộm*” của Pháp Diễn Thiền Sư và bài “*Bệnh Quên*” của Liệt Tử. Bởi vậy, Đông phương Đạo học, thay vì có khoa dạy NHỚ, cũng có khoa dạy QUÊN: “Il y a bien une science déterminée pour cultiver la *mémoire*, et il y a inversement une science bien déterminée pour cultiver *l’oubli*. L’une est aussi importante que l’autre”. (p. 178, La Vie dans la Vie). Nhớ, dễ hơn quên.

[23] Tổ thứ ba Thiền tông là Tăng Xán nói: “*Nhứt thiết bất lưu, vô khả ký ức*” (一切不留無可記憶) không một cái gì còn lưu giữ, lấy gì có ký ức.

[24] Kinh Dịch bảo: “*Tẩy tâm, thối tàng ư Mật*”. Chữ “*Mật*” nầy, đồng nghĩa với HƯ VÔ (hay Tâm Hư). “Tẩy tâm” là gột rửa con Tâm mình những mốc meo của “quá khứ”, những thành kiến về Phải Quấy Thiện Ác, v.v…

[25] A l'Écoute de Krishnamurti (1966), p. 175.

[26] Xem Trang Tử Nam Hoa Kinh (bản dịch của T.G. Nguyễn duy Cần) trang 243, 244, 245. Trang Tử nói: "*Hữu sở hiếu ố, hữu sở khứ tựu, tắc bất năng tuyệt đối tự do hĩ*". 有所好惡有所去就則不能絕對自由矣. Còn có chỗ ưa ghét, còn có chỗ lấy bỏ, thì không còn gọi được là TỰ DO TUYỆT ĐỐI nữa. Vì ta còn lệ thuộc những bảng giá trị của nhị nguyên.

[27] Le Bouddhisme Zen, Ed. Payot, 1960, p.203.

[28] Amour et Connaissance, Ed. Gonthier, 1966, p. 85.

[29] Với 2 tiếng “Cải thiện” là mặc nhiên đã công nhận một bảng giá trị nào rồi, là sa vào nhị nguyên.

[30] Hướng thiện, hướng mỹ là cái khuynh hướng tự nhiên của mọi vật trên đời, như cây cối hướng về ánh sáng, người ta thích sung sướng hơn đau khổ, nhưng, quá hướng về thiện mà không chấp ác, coi chừng lại sa vào cái mà Pascal đã u mặc căn dặn ta: Kẻ thích làm Thánh lại biến thành Thú (qui veut faire l’Ange, fait la Bête).

[31] Có người dịch là “khoảnh khắc thường trụ”.

[32] “Le miroir est totalement dépourvu de moi et d’esprit. Si une fleur se présente, il reflète une fleur; si c’est un oiseau, il reflète un oiseau. Il montre un bel objet comme étant beau, un objet laid comme étant laid. Tout est révélé sous son jour réel. Il n’y a aucun esprit de distinction ni aucune conscience de soi de la part du miroir. Si quelque chose vient, le miroir reflète; si la chose disparait, le mirroir la laisse simplement disparait… aucune trace de quoi que ce soit ne demeure. Une telle absence d’attachement (l’état de “non-mental”) ou l’action véritablement libre d’un miroir sont ici comparés à la sagesse pure et lucide de Bouddha”. (ZENKEI SHIBAYMA, *OnZazen Wasan*, Kyoto, 1967, p. 28).

[33] Đọc “*Nhập môn Triết học Đông Phương*”, trang 9, 10.

[34] Đọc lời bàn bài “*Học nghề ăn trộm*” trong quyển “*Cái Cười của Thánh nhân*” (trang 239-246).